

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Xu thế "Tích hợp" xuất hiện trong mọi lĩnh vực trong đó có bậc giáo dục. Ở Tiểu học môn học thể hiện sự "tích hợp" sâu và rộng nhất là môn Tiếng Việt.

1.2. Xuất phát từ mục tiêu của môn Tiếng Việt là *hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi*; xuất phát từ nhiệm vụ cơ bản của phân môn Tập làm văn là *hình thành, phát triển năng lực tạo lập ngôn bản ở học sinh*; xuất phát từ một trong những nhiệm vụ của phân môn Luyện từ và câu là *làm giàu vốn từ cho học sinh và phát triển năng lực dùng từ đặt câu cho các em*, ta thấy rằng hai phân môn Luyện từ và câu, Tập làm văn thể hiện rõ nét tính "Tích hợp": dạy Luyện từ và câu để hỗ trợ Tập làm văn, dạy Tập làm văn góp phần thực hành, vận dụng các tri thức và kỹ năng của Luyện từ và câu.

1.3. Thực tế, các bài tập "Mở rộng vốn từ" trong sách giáo khoa còn hạn chế trong việc tích cực hóa vốn từ cho học sinh trong giờ Tập làm văn, đồng thời các bài tập Tập làm văn cũng chưa khai thác hiệu quả vốn từ ở phân môn Luyện từ và câu. Nó thể hiện rõ qua hệ thống các từ ngữ cung cấp cho học sinh trong các tiết Mở rộng vốn từ với hệ thống các từ ngữ học sinh cần có trong các tiết Tập làm văn kế tiếp; thể hiện trong mục tiêu của từng tiết dạy cụ thể; thể hiện trong định hướng khai thác bài tập của sách giáo viên. Những hạn chế này dẫn đến việc nhiều giáo viên chưa thấy được lợi ích của sự "Tích hợp" đó. Chính vì vậy, ***Dạy Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn*** là một đề tài có ý nghĩa trong việc khắc phục hạn chế đã nêu ở trên.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Đề tài này nhằm xây dựng các bài tập "Mở rộng vốn từ" để hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn, đồng thời bước đầu kiểm chứng khả năng vận dụng những bài tập đó trong thực tế dạy học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: để đạt được mục đích trên, sáng kiến cần hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản sau: (1) Xây dựng cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc dạy Mở rộng vốn từ để hỗ trợ Tập làm văn ở lớp 4; (2) Đề xuất bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn, ứng dụng các bài tập đó vào dạy Tập làm văn; (3) Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các bài tập đã được đề xuất.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài xác định đối tượng nghiên cứu là *các bài tập theo định hướng khai thác, hỗ trợ tốt cho việc học Tập làm văn lớp 4*. Do khuôn khổ của sáng kiến kinh nghiệm, chúng tôi chỉ tập trung xây dựng các bài tập *Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn ở các chủ điểm: Thương người như thể thương thân; Măng mọc thẳng; Trên đôi cánh ước mơ; Có chí thì nên; Tiếng sáo diều; Vẽ đẹp muôn màu*.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu xây dựng được các bài tập Mở rộng vốn từ một cách khoa học, phong phú theo định hướng khai thác Tập làm văn, có tính đến việc phân loại học sinh *thì* sẽ giúp cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn hiệu quả hơn; nói cách khác, hiệu quả làm văn của học sinh ở các tiết được hỗ trợ bởi bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung sẽ cao hơn.

5. Đóng góp của sáng kiến kinh nghiệm

Sáng kiến kinh nghiệm đưa ra một số bài tập mở rộng vốn từ theo định hướng khai thác và mở rộng vốn từ giúp học sinh lớp 4 học tốt trong giờ tập làm văn.

NỘI DUNG

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn

1.1. Mục đích, nhiệm vụ và phương pháp Mở rộng vốn từ cho học sinh

1.1.1. Phát triển Mở rộng vốn từ

1.1.1.1 Vốn từ của cá nhân

Vốn từ của cá nhân là toàn bộ các từ và các đơn vị tương đương từ của ngôn ngữ được lưu giữ trong trí óc của cá nhân và được cá nhân sử dụng trong hoạt động giao tiếp, được hình thành theo hai con đường: con đường tự nhiên - vô thức và con đường có ý thức. Cá nhân được coi là nắm được một từ khi cá nhân đó phải nắm được hình thức ngữ âm cùng nội dung biểu đạt tương ứng. Vốn từ của cá nhân là hệ thống mở. Ở trường học, nguồn cung cấp từ cho các em chủ yếu là môn Tiếng Việt.

1.1.1.2 Làm giàu vốn từ cho học sinh

Việc làm giàu vốn từ cho học sinh bao gồm: mở rộng vốn từ, dạy nghĩa từ, dạy sử dụng từ. Việc làm giàu vốn từ cho học sinh lớp 4 vừa phải tuân theo những quy luật nêu trên vừa phải chú ý một số đặc điểm: Về mặt tâm sinh lý; Về mặt tâm lí - ngôn ngữ học. Như vậy, các bài tập Mở rộng vốn từ phải giúp học sinh chuyển từ việc sử dụng từ theo kinh nghiệm sang sử dụng một cách khoa học.

1.1.2. Dạy học nghĩa từ

Dạy nghĩa từ cho học sinh bao gồm các phương pháp: *Phương pháp trực quan; Phương pháp đàm thoại; Phương pháp đối chiếu, so sánh; Phương pháp giải nghĩa bằng định nghĩa; Phương pháp phân tích ngôn ngữ*

1.1.3. Dạy học sử dụng từ (tích cực hóa vốn từ)

Trong phần này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu vốn từ tích cực và tiêu cực của học sinh; việc sử dụng từ để hiểu lời nói, để tạo lời nói; phương pháp luyện tập bằng các bài tập sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

1.2. Quan hệ giữa Mở rộng vốn từ và Tập làm văn

1.2.1. Quan điểm tích hợp - cơ sở của mối quan hệ giữa Mở rộng vốn từ và Tập làm văn

Tích hợp quan niệm là “Một phương hướng nhằm phối hợp một cách tối ưu các quá trình học tập riêng rẽ, các môn học, các phân môn khác nhau theo những mô hình, hình thức, cấp độ khác nhau nhằm đáp ứng những mục tiêu, mục đích và yêu cầu khác nhau.”

Theo xu hướng định nghĩa của Unesco (Paris 1972) hay tại Hội nghị Maryland (tháng 4 năm 1973) thì Xavier Roegiers cho rằng sự phạm tích hợp làm cho quá trình học tập có ý nghĩa.

Đây là điểm khác biệt của chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học mới, gồm hai dạng: Tích hợp theo chiều ngang: Là tích hợp kiến thức theo nguyên tắc đồng quy; Tích hợp theo chiều dọc: Là tích hợp kiến thức và kỹ năng theo nguyên tắc đồng tâm. Theo đó, các phân môn trong môn Tiếng Việt trước đây ít gắn bó với nhau, nay đã có mối quan hệ chặt chẽ về nội dung, kỹ năng, phương pháp dạy học.

1.2.2. Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn

Trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, Tập làm văn là phân môn mang tính tổng hợp. Trong các giai đoạn của hoạt động lời nói và các kỹ năng làm văn, Mở rộng vốn từ thể hiện rõ nhất vai trò của mình ở kỹ năng 5 của các kỹ năng làm văn trong giai đoạn 3 của cấu trúc hoạt động lời nói hoạt động lời nói. Phân tích kỹ năng 5 của hệ thống kỹ năng làm văn chúng tôi nhận thấy, các bài tập sử dụng từ có ý nghĩa thiết thực và gần gũi nhất với việc giúp học sinh học văn hiệu quả.

1.2.3. Tập làm văn hỗ trợ cho Mở rộng vốn từ qua khai thác, sử dụng từ

Tập làm văn là phân môn sử dụng tổng hợp kết quả của các phân môn thành phần khác nhưng tiết dạy chính để cung cấp, chính xác hóa, tích cực hóa vốn từ cho Tập làm văn là tiết Mở rộng vốn từ trong phân môn Luyện từ và câu. Không chỉ có thế, Tập làm văn còn góp phần tích cực hóa, chính xác hóa những vốn từ đó của học sinh. Vì vậy, dựa vào các bài Tập làm văn, các nhà giáo dục có thể điều chỉnh vốn từ và cách khai thác vốn từ trong các tiết Mở rộng vốn từ.

1.3. Thực tiễn dạy học Mở rộng vốn từ trong mối quan hệ với dạy Tập làm văn

1.3.1. Phân tích hệ thống bài tập Mở rộng vốn từ

Các bài tập về mở rộng vốn từ chiếm 39,2%; các bài chính xác hóa vốn từ chiếm 36,7% ; các bài tập sử dụng từ chiếm 24,1%. Qua thống kê, chúng tôi nhận học sinh chưa được luyện tập sử dụng từ nhiều. Trong khi theo chuẩn kiến thức lớp 4, học sinh phải viết được một bài văn hoàn chỉnh (tạm coi là một văn bản) có số lượng khoảng 200 từ thì việc dạy sử dụng từ chính là bài tập cơ bản giúp các em học tốt Tập làm văn.

1.3.2. Phân tích thực trạng việc dạy các bài "Mở rộng vốn từ" lớp 4 để phục vụ Tập làm văn

Có thể thấy vốn từ và năng lực sử dụng từ của học sinh còn chưa linh hoạt khi nói, khi viết. Bản thân giáo viên chưa nhận thức rõ và sâu về mối quan hệ giữa dạy Luyện từ và câu để hỗ trợ Tập làm văn.

Về năng lực sử dụng từ, chúng tôi nhận thấy các em thường mắc một số lỗi: *về hình thức ngữ âm và cấu tạo; dùng sai nghĩa của từ; lỗi về khả năng kết hợp từ; lỗi về tính hệ thống của từ ngữ trong văn bản; lỗi dùng từ không đúng phong cách chức năng ngôn ngữ văn bản; lỗi lặp từ, thừa từ, dùng từ công thức, sáo rỗng.*

1.4. Một vài nhận xét

Phân tích cơ sở lý luận trên cho thấy Mở rộng vốn từ và Tập làm văn có mối quan hệ khăng khít với nhau. Song thực tế cho thấy mối quan hệ trên chưa được triển khai một cách sâu, rộng và hiệu quả. Có nhiều nguyên nhân, cụ thể là: Sách giáo khoa chú trọng mở rộng vốn từ cho học sinh theo tiêu chí nội dung nên phần lớn các từ được mở rộng là danh từ. Trong khi đó, để phục vụ tập làm văn (chủ yếu lớp 4 là văn kể chuyện và miêu tả) thì học sinh cần được cung cấp nhiều động từ, tính từ hơn nữa; Sách giáo viên chưa thể hiện rõ mối quan hệ giữa Luyện từ và câu nói chung, các tiết mở rộng vốn từ nói riêng với Tập làm văn; Từ phía giáo viên: Giáo viên tiểu học hiện nay trình độ không đồng đều nên ý thức và việc thường xuyên dạy mở rộng vốn từ để hỗ trợ tập làm văn chưa cao.

Từ những nhận xét trên, chúng tôi nhận thấy cần phải có những bài tập Mở rộng vốn từ để hỗ trợ học và giúp học sinh học Tập làm văn hiệu quả hơn.

Chương 2: Tổ chức dạy học Mở rộng vốn từ lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn

Chương này tập trung vào việc xây dựng các bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn dựa trên một số nguyên tắc và tiêu chí đã đề ra. Cuối cùng là việc ứng dụng các bài tập đó để tổ chức dạy Tập làm văn. Nội dung cụ thể như sau:

2.1. Bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn

2.1.1. Những nguyên tắc và tiêu chí soạn thảo các bài tập bổ sung

Nguyên tắc "Bám sát mục tiêu môn học" gồm 2 tiêu chí: Bám sát mục tiêu cần đạt của từng bài học; Thể hiện logic phát triển của bài học theo một trình tự nhất định.

Nguyên tắc "Thể hiện tinh thần đổi mới phương pháp dạy học" gồm các tiêu chí: Kích thích hứng thú học tập của học sinh; Khuyến khích sự hợp tác, cùng tham gia của tất cả học sinh.

Nguyên tắc "Thể hiện tinh thần tích hợp" gồm các tiêu chí: Tích hợp vốn từ trong các tiết mở rộng vốn từ để học tốt Tập làm văn; Tích hợp các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Việt; Tích hợp dạy mở rộng vốn từ với rèn kỹ năng diễn đạt (dùng từ đặt câu) thể hiện chính xác, đúng đắn phong cách bài văn, tư tưởng bài văn; kỹ năng viết đoạn, viết bài theo các phong cách khác nhau (miêu tả, kể chuyện, viết thư ...).

2.1.2. Một số bài tập "Mở rộng vốn từ" hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn

Bài tập "Mở rộng vốn từ" hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn lấy kết quả của việc học Tập làm văn làm đích. Do đó, trước khi xây dựng bài tập "Mở rộng vốn từ" chúng tôi tiến hành phân tích các bài tập trong phân môn Tập làm văn. Mục đích là để nắm được những từ có tần số sử dụng nhiều mà chưa được khai thác thỏa đáng trong tiết Mở rộng vốn từ trước đó (Khai thác ở đây được hiểu là việc giải nghĩa từ, sử dụng các từ trong một hoàn cảnh cụ thể của bài văn như thế nào). Từ đó quay trở lại điều chỉnh và bổ sung những bài tập trong tiết Mở rộng vốn từ cho phù hợp. Quy trình này được thể hiện qua 2 bước: Bước 1- Phân tích các bài tập trong phân môn Tập làm văn để nắm được: các từ có tần số sử dụng nhiều nhất (thuộc chủ điểm), nắm được các nét nghĩa nảy sinh trong văn cảnh của các từ trên trong các bài tập Tập làm văn; Bước 2 - Phân tích các bài tập trong tiết Mở rộng vốn từ để nắm được: bài tập nào đáp ứng với việc học tốt tập làm văn; bài tập nào chưa cung cấp đủ các kiến thức về từ và cách dùng từ cần có để học tốt Tập làm văn; dạng bài tập nào cần xây dựng mới. Từ đó đề xuất một số bài tập bổ sung phù hợp với các đối tượng học sinh trong các tiết Mở rộng vốn từ để khắc phục và hỗ trợ các bài tập Tập làm văn như đã nêu ở bước 1.

Dưới đây là các bài tập cụ thể:

Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Đề soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài số 2 phần Luyện tập trong tiết tập làm văn "*Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện*", đề bài như sau: "*Kể lại câu chuyện Nàng Tiên Ốc, kết hợp tả ngoại hình của các nhân vật.*"

Với bài tập này, học sinh thường triển khai tả ngoại hình của nhân vật bà già nghèo hoặc Nàng Tiên Ốc. Tả bà già nghèo học sinh sẽ phải sử dụng *các từ ngữ để thể hiện được bà là một người tốt bụng, nhân hậu*. Vì có nhân hậu, tốt bụng bà mới cuu mang một con ốc nhỏ bé, bà không đem bán mà mang về nuôi. Tả Nàng Tiên Ốc, học sinh sẽ phải sử dụng *các từ ngữ để thể hiện được đây là một người chăm chỉ, khéo léo, dịu dàng và giàu lòng nhân ái*. Vì sự xuất hiện của Nàng Tiên chính là phần thưởng dành cho một người tốt bụng như bà cụ nghèo. Làm được điều này tức là học sinh đã kể lại được câu chuyện đúng yêu cầu đề bài và đúng chủ điểm "Thương người như thể thương thân".

b) Phân tích đề bài "*Hãy tưởng tượng và kể lại văn tắt một câu chuyện có ba nhân vật: bà mẹ ốm, người con của bà mẹ bằng tuổi em và một bà tiên.*" trong tiết tập làm văn "*Luyện tập xây dựng cốt truyện*"

Ở đề bài trên, dựa vào những kiến thức và kỹ năng đã học về văn kể chuyện, học sinh cần xác định rõ một số điểm:

- Với ba nhân vật nêu trên, câu chuyện do học sinh tưởng tượng và kể lại sẽ tập trung nói đến nhân vật nào là chủ yếu?

- Câu chuyện cần nói lên được điều gì có ý nghĩa? (Có thể là sự hiếu thảo lay lòng dững cảm, tính trung thực ... qua những hành động của người con; hoặc tấm lòng nhân hậu của bà tiên và người con đối với bà mẹ...)

- Có thể tưởng tượng một cách hợp lí về hoàn cảnh, tính cách của từng nhân vật như thế nào? (Ví dụ: *bà mẹ* nghèo khổ phải làm lụng vất vả nên ốm nặng, tính mạng đang bị đe dọa; *người con* rất thương mẹ, có tấm lòng hiếu thảo muốn tìm mọi cách để cứu mẹ; *bà tiên* là người nhân hậu, luôn giúp đỡ những người nghèo khổ tốt bụng vào lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn...)

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết" là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm "Thương người như thể thương thân"; nắm được cách dùng một số từ có tiếng "nhân" theo 2 nghĩa khác nhau: người, lòng thương người.

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung các dạng bài tập: bài tập làm giải nghĩa các từ "cru mang, nhân hậu, nhân ái"; bài tập mở rộng thêm các từ chỉ đặc điểm ngoại hình, từ chỉ hoạt động của một người nhân hậu; bài tập dạy sử dụng các từ ngữ nói về một người nhân hậu. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1:

Cho một số từ sau: hiền từ, hiền hậu, trù mền, thương yêu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, khoan thai, đầy đặn, phúc hậu, âu yếm, nhân ái, tốt bụng, hiền thảo, nâng niu, vỗ về, đôn hậu.

Hãy xếp các từ ngữ trên vào 3 nhóm từ ở bảng sau:

Điểm ngoại hình của một người nhân hậu	Hoạt động nói về người có tấm lòng nhân hậu	người có tính cách nhân hậu

Đáp án:

Điểm ngoại hình của một người nhân hậu	Hoạt động nói về người có tấm lòng nhân hậu	người có tính cách nhân hậu
hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, khoan thai, đầy đặn, phúc hậu, tốt bụng, đôn hậu,	trù mền, thương yêu, khoan thai, âu yếm, nâng niu, vỗ về,	hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, tốt bụng, hiền thảo,

Bài tập 2:

Trong những từ ở nhóm chỉ đặc điểm ngoại hình của một người nhân hậu vừa tìm ở bài tập 1, những từ dùng để tả:

- Đôi mắt là:
- Nụ cười là:
- Dáng người là:
- Khuôn mặt, nét mặt là:

Đối với học sinh giỏi:

Khi tả ngoại hình một người chọn từ gì để cho thấy người đó rất nhân hậu?

- Đôi mắt là:
- Nụ cười là:
- Dáng người là:
- Khuôn mặt, nét mặt là:

Đáp án:

Trong những từ ở nhóm chỉ đặc điểm ngoại hình của một người nhân hậu vừa tìm ở bài tập 1, những từ dùng để tả:

- a) Đôi mắt là: hiền từ, nhân từ, hiền lành, dịu dàng.
- b) Nụ cười là: hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành.
- c) Dáng người là: khoan thai, đầy đặn, phúc hậu.
- d) Khuôn mặt, nét mặt là: hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, dịu dàng, đầy đặn, phúc hậu, đôn hậu.

Bài tập 3 (Dành cho học sinh giỏi):

Những từ có thể kết hợp với từ "đầy đặn" hoặc "hiền dịu" để tả ngoại hình một người nhân hậu.

Đáp án:

Những từ có thể kết hợp với từ "đầy đặn" để tả ngoại hình một người nhân hậu là: dáng người đầy đặn; khuôn mặt đầy đặn.

Những từ có thể kết hợp với từ "hiền dịu" để tả ngoại hình một người nhân hậu là: nụ cười hiền dịu; khuôn mặt hiền dịu.

Bài tập 4 (Học sinh giỏi):

Chọn và đặt câu với 3 từ chỉ hành động của một người nhân hậu em vừa tìm được ở bài 1.

Bài tập 5 (Học sinh giỏi):

Em hãy viết 4 đến 5 câu về người thân của em trong đó sử dụng những từ: đầy đặn, phúc hậu, nhân hậu.

Đáp án:

Học sinh có thể viết về mẹ: Mẹ em tên là Nguyễn Lan Anh, ba mươi sáu tuổi. Trông dáng hình mẹ đầy đặn nhưng rất nhanh nhẹn. Mẹ em có khuôn mặt phúc hậu, giọng nói ấm áp. Mẹ luôn quan tâm tới những người xung quanh. Đối với em mẹ là người nhân hậu nhất.

Học sinh có thể viết về bà: Bà ngoại em năm nay ngoài bảy mươi tuổi. Bà đã già, ít vận động nên dáng người có phần đầy đặn. Nhưng cũng vì thế mà trông bà đã phúc hậu càng phúc hậu hơn. Bà luôn quan tâm và động viên chúng em ở mọi việc. Đối với em bà là người gần gũi và nhân hậu nhất.

Mở rộng vốn từ Trung thực - Tư trong(Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Đề soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài phần Luyện tập, trong tiết tập làm văn "*Đoạn văn trong bài văn kể chuyện*":

"Dưới đây là ba đoạn văn được viết theo cốt truyện Hai mẹ con và bà tiên, trong đó hai đoạn đã hoàn chỉnh, còn một đoạn mới chỉ có phần mở đầu và phần kết thúc. Hãy viết tiếp phần còn thiếu.

a) Ngày xưa, ở làng kia, có hai mẹ con cô bé sống trong một túp lều. Họ phải làm lụng vất vả quanh năm mới đủ ăn.

b) Một hôm, người mẹ không may bị bệnh nặng. Cô bé ngày đêm chăm sóc mẹ, nhưng bệnh mẹ mỗi ngày một nặng thêm. Có người mách:

- Ở vùng bên có ông thầy thuốc giỏi chữa được bệnh này.

Cô bé nhờ bà con hàng xóm trông nom mẹ, ngay hôm ấy lên đường.

c) Vừa đi, cô bé hiếu thảo vừa lo mấy đồng mang theo không đủ trả tiền thuốc cho mẹ. Bỗng cô thấy bên đường có vật gì như chiếc tay nải ai bỏ quên.

...

Bà lão cười hiền hậu:

- Khen cho con đã hiếu thảo lại thật thà. Ta chính là tiên thử lòng con đấy thôi. Con thật đáng được giúp đỡ. Hãy đưa ta về nhà chữa bệnh cho mẹ con."

Để hoàn thành bài tập này học sinh cần tìm ra được sự liên kết giữa các câu văn đứng trước và đứng sau những câu văn cần phát triển. Đó là sự liên kết *giữa* hành động cô bé không mang đủ tiền để mua thuốc cho mẹ rồi hành động cô nhặt được tay nải của ai đó bị rơi với lời khen của bà tiên. Điều đó quyết định nội dung đoạn văn học sinh cần điền phải diễn tả được quyết định của cô bé về việc trả lại tay nải cho người bị mất. Từ đó nêu bật lên được sự thật thà, tự trọng của nhân vật trong truyện. Làm được điều này tức là học sinh đã kể lại được câu chuyện đúng yêu cầu đề bài và đúng chủ điểm "Măng mọc thẳng".

Tuy nhiên trên thực tế trong các tiết Tập làm văn, học sinh chỉ mới dừng lại ở việc làm rõ được sự thật thà của cô bé trong chuyện chứ chưa nêu được một phẩm chất đáng quý nữa của cô chính là lòng tự trọng. Vì vậy, để làm được điều trên, học sinh phải hiểu rất rõ nghĩa các từ "trung thực, tự trọng", phải được mở rộng thêm các từ chỉ hoạt động, lời nói của một người trung thực, tự trọng. Thêm vào đó, học sinh cần biết ngữ cảnh chính xác để nói về một người trung thực, tự trọng.

b) Phân tích bài tập 1, trong tiết tập làm văn "*Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện*" đề bài như sau: Dựa vào tranh và lời kể dưới tranh, kể lại cốt truyện "Ba lưỡi rìu".

Để làm tốt bài tập này học sinh cần quan sát, đọc từng lời kể dưới mỗi tranh minh họa trong sách giáo khoa và suy nghĩ về nội dung, ý nghĩa của truyện. Để kể lại cốt truyện cho rõ ý, học sinh cần trả lời những câu hỏi:

- Truyện có mấy nhân vật?

- Nội dung truyện nói lên điều gì ý nghĩa? (Chàng tiều phu được tiên ông thử thách lần lượt qua ba lưỡi rìu đã thể hiện *tính thật thà, trung thực* thật đáng quý).

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: " là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm "Trung thực - tự trọng"; tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa với trung thực và đặt câu với một từ tìm được; nắm được nghĩa từ "tự trọng".

- Biết thêm được nghĩa một số từ ngữ về chủ điểm "Trung thực - tự trọng"; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt có tiếng "trung" theo hai nhóm nghĩa và đặt câu được với một số từ trong nhóm.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung các dạng bài tập: sử dụng từ "tự trọng"; bài tập mở rộng thêm các từ chỉ hành động, lời nói của một người trung thực, tự trọng; bài tập dạy sử dụng các từ ngữ nói về một người trung thực, tự trọng. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1:

Nối từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. tự chủ	a. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá, danh dự của mình
2. tự hào	b. Tỏ thái độ bức tức, khó chịu khi người khác về mình với ý coi thường, xúc phạm.
3. tự ái	c. Lấy làm hãnh diện một cách chính đáng về những điều tốt đẹp mà mình có.
4. tự cao	d. Tự mình mình làm, không phụ thuộc vào ai.
5. tự trọng	e. Tự mình cho là nhất, là hơn người mà coi thường người khác.

Đáp án:

Nối từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. tự chủ	a. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá, danh dự của mình
2. tự hào	b. Tỏ thái độ bức tức, khó chịu khi người khác về mình với ý coi thường, xúc phạm.
3. tự ái	c. Lấy làm hãnh diện một cách chính đáng về những điều tốt đẹp mà mình có.
4. tự cao	d. Tự mình mình làm, không phụ thuộc vào ai.
5. tự trọng	e. Tự mình cho là nhất, là hơn người mà coi thường người khác.

Bài tập 2: Dành cho học sinh đại trà

Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp: *tự tin, tự kiêu, tự hào, tự ái, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ*

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu

Đáp án:

Xếp các từ vào nhóm thích hợp: *tự tin, tự kiêu, tự hào, tự ái, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ*

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu
<i>tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự giác, tự vệ,</i>	<i>tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ,</i>

Bài tập 3: Dành cho học sinh giỏi

Tìm từ ghép có tiếng "tự" nói về hành động, tính cách con người rồi chia thành 2 nhóm:

Hành động, phẩm chất tốt đẹp	Hành động, tính xấu

Đáp án:

Tìm từ ghép có tiếng "tự" nói về hành động, tính cách con người rồi chia thành 2 nhóm:

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu
<i>tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự giác, tự vệ,</i>	<i>tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ,</i>

Bài tập 4:

Đặt câu với 3 từ ở nhóm a, 3 từ ở nhóm b trong bài tập 2.

Bài tập 5: Học sinh đại trà

Gạch chân dưới những từ *không nói về* tính cách của một người trung thực trong mỗi dòng dưới đây:

- thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.
- ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.
- chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.
- bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Đáp án:

Gạch chân dưới những từ *không nói về* tính cách của một người trung thực trong mỗi dòng dưới đây:

- thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.
- ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.
- chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.
- bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Bài tập 6: Học sinh giỏi

Gạch chân dưới từ khác loại trong mỗi dòng dưới đây:

- a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.
- b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.
- c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.
- d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Em hãy đặt tên cho nhóm từ không được gạch chân ở các dòng trên. Những từ đó nói lên phẩm chất gì của con người.

Đáp án:

Gạch chân dưới từ khác loại trong mỗi dòng dưới đây:

- a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.
- b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.
- c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.
- d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Đặt tên cho nhóm từ không được gạch chân ở các dòng trên: Nhóm từ chỉ tính cách trung thực.

Những từ đó nói lên phẩm chất trung thực của con người.

Bài tập 7 (Học sinh giỏi):

Tìm và sửa lại các từ dùng sai trong các câu dưới đây.

- a) Bạn Lan rất tự ái nên không muốn cho ai biết những khó khăn của mình.
- b) Trong lớp em, Hoa là học sinh rất chân chính, nghĩ sao nói vậy.

Đáp án:

- a) "tự ái" sửa thành "tự trọng"
- b) "chân chính" sửa thành "chân thật"

Mở rộng vốn từ: Ước mơ (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1:

Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài trong tiết tập làm văn "Luyện tập trao đổi ý kiến với người thân", đề bài như sau:

"Em có nguyện vọng học thêm một môn năng khiếu (họa, nhạc, võ thuật, ...). Trước khi nói với bố mẹ, em muốn trao đổi với anh (chị) để anh (chị) hiểu và ủng hộ nguyện vọng của em.

Hãy cùng bạn đóng vai em và anh (chị) để thực hiện cuộc trao đổi."

Giúp học sinh hoàn thành bài tập như đề bài nêu trên, sách giáo khoa đã đưa ra ba bài tập gợi ý như sau:

"1. Xác định mục đích trao đổi:

Làm cho anh (chị) hiểu rõ nguyện vọng của mình và giải đáp các thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) đặt ra để anh (chị) ủng hộ nguyện vọng ấy.

2. Hình dung những thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) có thể nêu ra để tìm cách giải đáp:

- a) Học thêm các môn năng khiếu sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc học văn hóa ở trường.
- b) Ngoài giờ học ở trường, em phải dành thời gian làm việc nhà. Học thêm các môn năng khiếu, em sẽ không làm giúp gia đình được.
- c) Nhà em ở xa câu lạc bộ, đi học các môn năng khiếu sẽ gặp khó khăn.
- d) Em không có năng khiếu họa, nhạc hoặc võ thuật.
- e) Em gầy yếu, không học võ thuật được.
- g) Con gái đi học võ thuật người ta chê cười.

...

3. Khi đóng vai trao đổi với bạn cùng nhóm, cần sử dụng cử chỉ, điệu bộ hỗ trợ cho lời nói."

Với những gợi ý trên đây, sách giáo khoa mới làm rõ được phần giúp học sinh lường trước các thắc mắc, khó khăn có thể gặp phải khi trình bày với anh (chị). Sách giáo khoa chưa làm rõ được cách giúp học sinh cách diễn đạt rõ nguyện vọng của mình.

Trên thực tế, để đạt được mục đích "giúp học sinh biết đóng vai trao đổi tự nhiên, tự tin, thân ái, cử chỉ thích hợp, lời lẽ có sức thuyết phục, đạt mục đích đặt ra" [46, tr207] thì giáo viên còn phải hướng dẫn học sinh cách nói rõ ràng, thuyết phục nguyện vọng của mình cho người khác hiểu. Ở đây, nói rõ ràng là nêu luôn nguyện vọng được đi học một môn năng khiếu mình muốn cho anh (chị) biết. Nói thuyết phục là phải gắn nguyện vọng đó với ước mơ, mong muốn chính đáng mà mình đang có cơ hội được thực hiện. Để nói được một cách thuyết phục như vậy, học sinh phải hiểu nghĩa và biết sử dụng một cách linh hoạt các từ "ước mơ, mong muốn, ao ước" cũng như những từ "mơ mộng, mơ tưởng, mơ hồ".

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Ước mơ theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Theo như sự phân tích ở bước 1, tiết "Mở rộng vốn từ: Ước mơ" Tiếng Việt 4, tập 1, trang 87 mới bước đầu phân biệt được giá trị những ước mơ cụ thể. Ngoài ra, không có bài tập để học sinh thực hành nói lên ước mơ của mình bằng những từ theo chủ điểm được học. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1: Học sinh đại trà

Nói các từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. mơ tưởng	a. Mong muốn, ao ước điều tốt đẹp trong tương lai.
2. mơ hồ	b. Say mê, đeo đuổi những điều tốt đẹp nhưng xa vời, khó thành hiện thực.
3. ước mơ	c. Mong mỏi, ao ước một cách hão huyền.
4. mơ mộng	d. Thấy mơ hồ, trạng thái không được tỉnh táo.
5. mơ màng	e. Không rõ ràng, mạch lạc, có nhiều cách

hiểu khác nhau hoặc hiểu thế nào cũng được.

Đáp án:

Nối các từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. mơ tưởng	a. Mong muốn, ao ước điều tốt đẹp trong tương lai.
2. mơ hồ	b. Say mê, đeo đuổi những điều tốt đẹp nhưng xa vời, khó thành hiện thực.
3. ước mơ	c. Mong mỏi, ao ước một cách hão huyền.
4. mơ mộng	d. Thấy mơ hồ, trạng thái không được tỉnh táo.
5. mơ màng	e. Không rõ ràng, mạch lạc, có nhiều cách hiểu khác nhau hoặc hiểu thế nào cũng được.

Bài tập 2: Học sinh giỏi

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 11 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 5 từ trái nghĩa với từ ước mơ.

Đáp án:

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 11 từ cùng nghĩa, gần nghĩa với từ ước mơ: ước mơ; ước mong, ước muốn, ước mộng, mơ ước, mong ước, mong muốn, mộng ước, mộng mơ, mong mong, muốn muốn.

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 5 từ trái nghĩa với từ ước mơ: mơ mộng, mơ tưởng, mong tưởng, mộng tưởng, mộng ước.

Bài tập 3: Học sinh giỏi

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để hoàn thiện câu nói về ước mơ rồi đánh giá những ước mơ đó.

a) Lan trở thành bác sĩ.

-> Đây là ước mơ:

b) Cuối tuần, tôi được bố mẹ cho đi chơi

-> Đây là ước mơ:

c) mình được bay lên cùng với các vì sao.

-> Đây là ước mơ:

d) bạn Hoa học tốt hơn mình.

-> Đây là ước mơ:

Đáp án:

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để hoàn thiện câu nói về ước mơ rồi đánh giá những ước mơ đó.

a) Lan ước mơ trở thành bác sĩ.

-> Đây là ước mơ: được đánh giá cao

b) Cuối tuần, tôi mong muốn được bố mẹ cho đi chơi

-> Đây là ước mơ: được đánh giá không cao

c) Giá như mình được bay lên cùng với các vì sao.

-> Đây là ước mơ viễn vông

d) Ước gì bạn Hoa học tốt hơn mình.

-> Đây là ước mơ: tầm thường

Bài tập 4: Học sinh đại trà

Em hãy viết tiếp cho trọn một câu nói lên một nguyện vọng hay một ước mơ chính đáng của mình.

a) Em mong rằng

b) Nguyện vọng của em là được

c) Em mơ ước

d) Giá như

Đáp án:

Em hãy viết tiếp cho trọn một câu nói lên một nguyện vọng hay một ước mơ chính đáng của mình.

a) Em mong rằng sau này mình sẽ trở thành cô giáo dạy các em nhỏ.

b) Nguyện vọng của em là được học múa ở Cung thiếu nhi.

c) Em mơ ước được hát hay như ca sĩ Mỹ Tâm.

d) Giá như em cũng nhảy đẹp như Khánh Thy thì thật tuyệt!

Bài tập 5: Học sinh giỏi

Em hãy chọn một câu trong bài tập 4 rồi viết các câu tiếp theo để thuyết phục người nghe đồng tình với nguyện vọng, ước mơ chính đáng của mình.

Đáp án:

a) Em mong rằng sau này mình sẽ trở thành cô giáo dạy các em nhỏ. Muốn trở thành cô giáo, bây giờ em phải học thật giỏi. Muốn học được giỏi, mỗi ngày em sẽ tự giác làm hết bài tập và đọc thêm các quyển sách nâng cao nữa.

b) Nguyện vọng của em là được học múa ở Cung thiếu nhi. Học múa rất tốt cho sức khỏe. Học múa sẽ giúp em nhanh nhẹn hơn. Học múa giúp em có một tinh thần minh mẫn để học tốt hơn ở trường.

c) Em mơ ước được hát hay như ca sĩ Mỹ Tâm. Hát hay, em sẽ được nhiều người yêu mến. Nhưng muốn hát được hay, em phải được đi học một lớp thanh nhạc ở Cung thiếu nhi.

d) Giá như em cũng nhảy đẹp như Khánh Thy thì thật tuyệt! Nhảy đẹp sẽ giúp em có một sức khỏe dẻo dai. Nhảy đẹp giúp em tự tin hơn. Nhưng muốn như thế, em phải được đi học một lớp ở Cung thiếu nhi.

Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài:

a) Phân tích đề bài 2 và 3 trong tiết tập làm văn "*Ôn tập văn kể chuyện*", đề bài như sau:

"2. Kể một câu chuyện về một trong các đề tài sau:

- a) Đoàn kết, thương yêu bạn bè.
- b) Giúp đỡ người tàn tật.
- c) Thật thà, trung thực trong đời sống.
- d) Chiến thắng bệnh tật."

.....

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Xu thế "Tích hợp" xuất hiện trong mọi lĩnh vực trong đó có bậc giáo dục. Ở Tiểu học môn học thể hiện sự "tích hợp" sâu và rộng nhất là môn Tiếng Việt.

1.2. Xuất phát từ mục tiêu của môn Tiếng Việt là hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi; xuất phát từ nhiệm vụ cơ bản của phân môn Tập làm văn là hình thành, phát triển năng lực tạo lập ngôn bản ở học sinh; xuất phát từ một trong những nhiệm vụ của phân môn Luyện từ và câu là làm giàu vốn từ cho học sinh và phát triển năng lực dùng từ đặt câu cho các em, ta thấy rằng hai phân môn Luyện từ và câu, Tập làm văn thể hiện rõ nét tính "Tích hợp": dạy Luyện từ và câu để hỗ trợ Tập làm văn, dạy Tập làm văn góp phần thực hành, vận dụng các tri thức và kĩ năng của Luyện từ và câu.

1.3. Thực tế, các bài tập "Mở rộng vốn từ" trong sách giáo khoa còn hạn chế trong việc tích cực hóa vốn từ cho học sinh trong giờ Tập làm văn, đồng thời các bài tập Tập làm văn cũng chưa khai thác hiệu quả vốn từ ở phân môn Luyện từ và câu. Nó thể hiện rõ qua hệ thống các từ ngữ cung cấp cho học sinh trong các tiết Mở rộng vốn từ với hệ thống các từ ngữ học sinh cần có trong các tiết Tập làm văn kế tiếp; thể hiện trong mục tiêu của từng tiết dạy cụ thể; thể hiện trong định hướng khai thác bài tập của sách giáo viên. Những hạn chế này dẫn đến việc nhiều giáo viên chưa thấy được lợi ích của sự "Tích hợp" đó. Chính vì vậy, ***Dạy Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn*** là một đề tài có ý nghĩa trong việc khắc phục hạn chế đã nêu ở trên.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Đề tài này nhằm xây dựng các bài tập "Mở rộng vốn từ" để hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn, đồng thời bước đầu kiểm chứng khả năng vận dụng những bài tập đó trong thực tế dạy học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: để đạt được mục đích trên, sáng kiến cần hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản sau: (1) Xây dựng cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc dạy Mở rộng vốn từ để hỗ trợ Tập làm văn ở lớp 4;

(2) Đề xuất bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn, ứng dụng các bài tập đó vào dạy Tập làm văn; (3) Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các bài tập đã được đề xuất.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài xác định đối tượng nghiên cứu là *các bài tập theo định hướng khai thác, hỗ trợ tốt cho việc học Tập làm văn lớp 4*. Do khuôn khổ của sáng kiến kinh nghiệm, chúng tôi chỉ tập trung xây dựng các bài tập *Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn ở các chủ điểm: Thương người như thể thương thân; Măng mọc thẳng; Trên đôi cánh ước mơ; Có chí thì nên; Tiếng sáo diều; Vẽ đẹp muôn màu*.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu xây dựng được các bài tập Mở rộng vốn từ một cách khoa học, phong phú theo định hướng khai thác Tập làm văn, có tính đến việc phân loại học sinh *thì sẽ giúp cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn hiệu quả hơn; nói cách khác, hiệu quả làm văn của học sinh ở các tiết được hỗ trợ bởi bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung sẽ cao hơn*.

5. Đóng góp của sáng kiến kinh nghiệm

Sáng kiến kinh nghiệm đưa ra một số bài tập mở rộng vốn từ theo định hướng khai thác và mở rộng vốn từ giúp học sinh lớp 4 học tốt trong giờ tập làm văn.

NỘI DUNG

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn

1.1. Mục đích, nhiệm vụ và phương pháp Mở rộng vốn từ cho học sinh

1.1.1. Phát triển Mở rộng vốn từ

1.1.1.1 Vốn từ của cá nhân

Vốn từ của cá nhân là toàn bộ các từ và các đơn vị tương đương từ của ngôn ngữ được lưu giữ trong trí óc của cá nhân và được cá nhân sử dụng trong hoạt động giao tiếp, được hình thành theo hai con đường: con đường tự nhiên - vô thức và con đường có ý thức. Cá nhân được coi là nắm được một từ khi cá nhân đó phải nắm được hình thức ngữ âm cùng nội dung biểu đạt tương ứng. Vốn từ của cá nhân là hệ thống mở. Ở trường học, nguồn cung cấp từ cho các em chủ yếu là môn Tiếng Việt.

1.1.1.2 Làm giàu vốn từ cho học sinh

Việc làm giàu vốn từ cho học sinh bao gồm: mở rộng vốn từ, dạy nghĩa từ, dạy sử dụng từ. Việc làm giàu vốn từ cho học sinh lớp 4 vừa phải tuân theo những quy luật nêu trên vừa phải chú ý một số đặc điểm: Về mặt tâm sinh lý; Về mặt tâm lí - ngôn ngữ học. Như vậy, các bài tập Mở rộng vốn từ phải giúp học sinh chuyển từ việc sử dụng từ theo kinh nghiệm sang sử dụng một cách khoa học.

1.1.2. Dạy học nghĩa từ

Dạy nghĩa từ cho học sinh bao gồm các phương pháp: *Phương pháp trực quan; Phương pháp đàm thoại; Phương pháp đối chiếu, so sánh; Phương pháp giải nghĩa bằng định nghĩa; Phương pháp phân tích ngôn ngữ*

1.1.3. Dạy học sử dụng từ (tích cực hóa vốn từ)

Trong phần này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu vốn từ tích cực và tiêu cực của học sinh; việc sử dụng từ để hiểu lời nói, để tạo lời nói; phương pháp luyện tập bằng các bài tập sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

1.2. Quan hệ giữa Mở rộng vốn từ và Tập làm văn

1.2.1. Quan điểm tích hợp - cơ sở của mối quan hệ giữa Mở rộng vốn từ và Tập làm văn

Tích hợp quan niệm là “Một phương hướng nhằm phối hợp một cách tối ưu các quá trình học tập riêng rẽ, các môn học, các phân môn khác nhau theo những mô hình, hình thức, cấp độ khác nhau nhằm đáp ứng những mục tiêu, mục đích và yêu cầu khác nhau.”

Theo xu hướng định nghĩa của Unesco (Paris 1972) hay tại Hội nghị Maryland (tháng 4 năm 1973) thì Xavier Roegiers cho rằng sự phạm tích hợp làm cho quá trình học tập có ý nghĩa.

Đây là điểm khác biệt của chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học mới, gồm hai dạng: Tích hợp theo chiều ngang: Là tích hợp kiến thức theo nguyên tắc đồng quy; Tích hợp theo chiều dọc: Là tích hợp kiến thức và kĩ năng theo nguyên tắc đồng tâm. Theo đó, các phân môn trong môn Tiếng Việt trước đây ít gắn bó với nhau, nay đã có mối quan hệ chặt chẽ về nội dung, kĩ năng, phương pháp dạy học. **1.2.2. Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn**

Trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, Tập làm văn là phân môn mang tính tổng hợp. Trong các giai đoạn của hoạt động lời nói và các kĩ năng làm văn, Mở rộng vốn từ thể hiện rõ nhất vai trò của mình ở kĩ năng 5 của các kĩ năng làm văn trong giai đoạn 3 của cấu trúc hoạt động lời nói hoạt động lời nói. Phân tích kĩ năng 5 của hệ thống kĩ năng làm văn chúng tôi nhận thấy, các bài tập sử dụng từ có ý nghĩa thiết thực và gần gũi nhất với việc giúp học sinh học văn hiệu quả.

1.2.3. Tập làm văn hỗ trợ cho Mở rộng vốn từ qua khai thác, sử dụng từ

Tập làm văn là phân môn sử dụng tổng hợp kết quả của các phân môn thành phần khác nhưng tiết dạy chính để cung cấp, chính xác hóa, tích cực hóa vốn từ cho Tập làm văn là tiết Mở rộng vốn từ trong phân môn Luyện từ và câu. Không chỉ có thế, Tập làm văn còn góp phần tích cực hóa, chính xác hóa những vốn từ đó của học sinh. Vì vậy, dựa vào các bài Tập làm văn, các nhà giáo dục có thể điều chỉnh vốn từ và cách khai thác vốn từ trong các tiết Mở rộng vốn từ.

1.3. Thực tiễn dạy học Mở rộng vốn từ trong mối quan hệ với dạy Tập làm văn

1.3.1. Phân tích hệ thống bài tập Mở rộng vốn từ

Các bài tập về mở rộng vốn từ chiếm 39, 2%; các bài chính xác hóa vốn từ chiếm 36,7% ; các bài tập sử dụng từ chiếm 24,1%. Qua thống kê, chúng tôi nhận học sinh chưa được luyện tập sử dụng từ nhiều. Trong khi theo chuẩn kiến thức lớp 4, học sinh phải viết được một bài văn hoàn chỉnh (tạm coi là một văn bản) có số lượng khoảng 200 từ thì việc dạy sử dụng từ chính là bài tập cơ bản giúp các em học tốt Tập làm văn.

1.3.2. Phân tích thực trạng việc dạy các bài "Mở rộng vốn từ" lớp 4 để phục vụ Tập làm văn

Có thể thấy vốn từ và năng lực sử dụng từ của học sinh còn chưa linh hoạt khi nói, khi viết. Bản thân giáo viên chưa nhận thức rõ và sâu về mối quan hệ giữa dạy Luyện từ và câu để hỗ trợ Tập làm văn.

Về năng lực sử dụng từ, chúng tôi nhận thấy các em thường mắc một số lỗi: về hình thức ngữ âm và cấu tạo; dùng sai nghĩa của từ; lồi về

khả năng kết hợp từ; lỗi về tính hệ thống của từ ngữ trong văn bản; lỗi dùng từ không đúng phong cách chức năng ngôn ngữ văn bản; lỗi lặp từ, thừa từ, dùng từ công thức, sáo rỗng.

1.4. Một vài nhận xét

Phân tích cơ sở lý luận trên cho thấy Mở rộng vốn từ và Tập làm văn có mối quan hệ khăng khít với nhau. Song thực tế cho thấy mối quan hệ trên chưa được triển khai một cách sâu, rộng và hiệu quả. Có nhiều nguyên nhân, cụ thể là: Sách giáo khoa chú trọng mở rộng vốn từ cho học sinh theo tiêu chí nội dung nên phần lớn các từ được mở rộng là danh từ. Trong khi đó, để phục vụ tập làm văn (chủ yếu lớp 4 là văn kể chuyện và miêu tả) thì học sinh cần được cung cấp nhiều động từ, tính từ hơn nữa; Sách giáo viên chưa thể hiện rõ mối quan hệ giữa Luyện từ và câu nói chung, các tiết mở rộng vốn từ nói riêng với Tập làm văn; Từ phía giáo viên: Giáo viên tiểu học hiện nay trình độ không đồng đều nên ý thức và việc thường xuyên dạy mở rộng vốn từ để hỗ trợ tập làm văn chưa cao.

Từ những nhận xét trên, chúng tôi nhận thấy cần phải có những bài tập Mở rộng vốn từ để hỗ trợ học và giúp học sinh học Tập làm văn hiệu quả hơn.

để hỗ trợ Tập làm văn

Chương này tập trung vào việc xây dựng các bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ Tập làm văn dựa trên một số nguyên tắc và tiêu chí đã đề ra. Cuối cùng là việc ứng dụng các bài tập đó để tổ chức dạy Tập làm văn. Nội dung cụ thể như sau:

2.1. Bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn

2.1.1. Những nguyên tắc và tiêu chí soạn thảo các bài tập bổ sung

Nguyên tắc "Bám sát mục tiêu môn học" gồm 2 tiêu chí: Bám sát mục tiêu cần đạt của từng bài học; Thể hiện logic phát triển của bài học theo một trình tự nhất định.

Nguyên tắc "Thể hiện tinh thần đổi mới phương pháp dạy học" gồm các tiêu chí: Kích thích hứng thú học tập của học sinh; Khuyến khích sự hợp tác, cùng tham gia của tất cả học sinh.

Nguyên tắc "Thể hiện tinh thần tích hợp" gồm các tiêu chí: Tích hợp vốn từ trong các tiết mở rộng vốn từ để học tốt Tập làm văn; Tích hợp các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Việt; Tích hợp dạy mở rộng vốn từ với rèn kĩ năng diễn đạt (dùng từ đặt câu) thể hiện chính xác, đúng đắn phong cách bài văn, tư tưởng bài văn; kĩ năng viết đoạn, viết bài theo các phong cách khác nhau (miêu tả, kể chuyện, viết thư ...).

2.1.2. Một số bài tập "Mở rộng vốn từ" hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn

Bài tập "Mở rộng vốn từ" hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn lấy kết quả của việc học Tập làm văn làm đích. Do đó, trước khi xây dựng bài tập "Mở rộng vốn từ" chúng tôi tiến hành phân tích các bài tập trong phân môn Tập làm văn. Mục đích là để nắm được những từ có tần số sử dụng nhiều mà chưa được khai thác thỏa đáng trong tiết Mở rộng vốn từ trước đó (Khai thác ở đây được hiểu là việc giải nghĩa từ, sử dụng các từ trong một hoàn cảnh cụ thể của bài văn như thế nào). Từ đó quay trở lại điều chỉnh và bổ sung những bài tập trong tiết Mở rộng vốn từ cho phù hợp. Quy trình này được thể hiện qua 2 bước: Bước 1- Phân tích các bài tập trong phân môn Tập làm văn để nắm được: các từ có tần số sử dụng nhiều nhất (thuộc chủ điểm), nắm được các nét nghĩa nảy sinh trong văn cảnh của các từ trên trong các bài tập Tập làm văn; Bước 2 - Phân tích các bài tập trong tiết Mở rộng vốn từ để nắm được: bài tập nào đáp ứng với việc học tốt tập làm văn; bài tập nào chưa cung cấp đủ các kiến thức về từ và cách dùng từ cần có để học tốt Tập làm văn; dạng bài tập nào cần xây dựng mới. Từ đó đề xuất một số bài tập bổ sung phù hợp với các đối tượng học sinh trong các tiết Mở rộng vốn từ để khắc phục và hỗ trợ các bài tập Tập làm văn như đã nêu ở bước 1.

Dưới đây là các bài tập cụ thể:

Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài số 2 phần Luyện tập trong tiết tập làm văn "*Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện*", đề bài như sau: "*Kể lại câu chuyện Nàng Tiên Ốc, kết hợp tả ngoại hình của các nhân vật.*"

Với bài tập này, học sinh thường triển khai tả ngoại hình của nhân vật bà già nghèo hoặc Nàng Tiên Ốc. Tả bà già nghèo học sinh sẽ phải sử dụng *các từ ngữ để thể hiện được bà là một người tốt bụng, nhân hậu*. Vì có nhân hậu, tốt bụng bà mới cưu mang một con ốc nhỏ bé, bà không đem bán mà mang về nuôi. Tả Nàng Tiên Ốc, học sinh sẽ phải sử dụng *các từ ngữ để thể hiện được đây là một người chăm chỉ, khéo léo, dịu dàng và giàu lòng nhân ái*. Vì sự xuất hiện của Nàng Tiên chính là phần thưởng dành cho một người tốt bụng như bà cụ nghèo. Làm được điều này tức là học sinh đã kể lại được câu chuyện đúng yêu cầu đề bài và đúng chủ điểm "Thương người như thể thương thân".

b) Phân tích đề bài "*Hãy tưởng tượng và kể lại văn tắt một câu chuyện có ba nhân vật: bà mẹ ốm, người con của bà mẹ bằng tuổi em và một bà tiên.*" trong tiết tập làm văn "*Luyện tập xây dựng cốt truyện*"

Ở đề bài trên, dựa vào những kiến thức và kĩ năng đã học về văn kể chuyện, học sinh cần xác định rõ một số điểm:

- Với ba nhân vật nêu trên, câu chuyện do học sinh tưởng tượng và kể lại sẽ tập trung nói đến nhân vật nào là chủ yếu?

- Câu chuyện cần nói lên được điều gì có ý nghĩa? (Có thể là sự hiểu thảo lay lòng dũng cảm, tính trung thực ... qua những hành động của người con; hoặc tấm lòng nhân hậu của bà tiên và người con đối với bà mẹ...)

- Có thể tưởng tượng một cách hợp lí về hoàn cảnh, tính cách của từng nhân vật như thế nào? (Ví dụ: *bà mẹ* nghèo khổ phải làm lụng vất vả nên ốm nặng, tính mạng đang bị đe dọa; *người con* rất thương mẹ, có tấm lòng hiếu thảo muốn tìm mọi cách để cứu mẹ; *bà tiên* là người nhân hậu, luôn giúp đỡ những người nghèo khổ tốt bụng vào lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn...)

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết" là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm "Thương người như thể thương thân"; nắm được cách dùng một số từ có tiếng "nhân" theo 2 nghĩa khác nhau: người, lòng thương người.

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung các dạng bài tập: bài tập làm giải nghĩa các từ "cưu mang, nhân hậu, nhân ái"; bài tập mở rộng thêm các từ chỉ đặc điểm ngoại hình, từ chỉ hoạt động của một người nhân hậu; bài tập dạy sử dụng các từ ngữ nói về một người nhân hậu. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1: Cho một số từ sau: hiền từ, hiền hậu, trù mẩn, thương yêu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, khoan thai, đầy đặn, phúc hậu, âu yếm, nhân ái, tốt bụng, hiền thảo, nâng niu, vỗ về, đôn hậu.

Hãy xếp các từ ngữ trên vào 3 nhóm từ ở bảng sau:

Điểm ngoại hình của một người nhân hậu	Hoạt động nói về người có tấm lòng nhân hậu	người có tính cách nhân hậu

Đáp án:

Điểm ngoại hình của một người nhân hậu	Hoạt động nói về người có tấm lòng nhân hậu	người có tính cách nhân hậu
hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, khoan thai, đầy đặn, phúc hậu, tốt bụng, đôn hậu,	trù mẩn, thương yêu, khoan thai, âu yếm, nâng niu, vỗ về,	hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, hiền hòa, dịu dàng, tốt bụng, hiền thảo,

Bài tập 2:

Trong những từ ở nhóm chỉ đặc điểm ngoại hình của một người nhân hậu vừa tìm ở bài tập 1, những từ dùng để tả:

- Đôi mắt là:
- Nụ cười là:
- Dáng người là:
- Khuôn mặt, nét mặt là:

Đối với học sinh giỏi:

Khi tả ngoại hình một người chọn từ gì để cho thấy người đó rất nhân hậu?

- Đôi mắt là:
- Nụ cười là:
- Dáng người là:

d) Khuôn mặt, nét mặt là:

Đáp án:

Trong những từ ở nhóm chỉ đặc điểm ngoại hình của một người nhân hậu vừa tìm ở bài tập 1, những từ dùng để tả:

a) Đôi mắt là: hiền từ, nhân từ, hiền lành, dịu dàng.

b) Nụ cười là: hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành.

c) Dáng người là: khoan thai, đầy đặn, phúc hậu.

d) Khuôn mặt, nét mặt là: hiền từ, hiền hậu, nhân từ, hiền lành, dịu dàng, đầy đặn, phúc hậu, đôn hậu.

Bài tập 3 (Dành cho học sinh giỏi):

Những từ có thể kết hợp với từ "đầy đặn" hoặc "hiền dịu" để tả ngoại hình một người nhân hậu.

Đáp án:

Những từ có thể kết hợp với từ "đầy đặn" để tả ngoại hình một người nhân hậu là: dáng người đầy đặn; khuôn mặt đầy đặn. Những từ có thể kết hợp với từ "hiền dịu" để tả ngoại hình một người nhân hậu là: nụ cười hiền dịu; khuôn mặt hiền dịu.

Bài tập 4 (Học sinh giỏi):

Chọn và đặt câu với 3 từ chỉ hành động của một người nhân hậu em vừa tìm được ở bài 1.

Bài tập 5 (Học sinh giỏi):

Em hãy viết 4 đến 5 câu về người thân của em trong đó sử dụng những từ: đầy đặn, phúc hậu, nhân hậu.

Đáp án:

Học sinh có thể viết về mẹ: Mẹ em tên là Nguyễn Lan Anh, ba mươi sáu tuổi. Trông dáng hình mẹ đầy đặn nhưng rất nhanh nhẹn. Mẹ em có khuôn mặt phúc hậu, giọng nói ấm áp. Mẹ luôn quan tâm tới những người xung quanh. Đối với em mẹ là người nhân hậu nhất.

Học sinh có thể viết về bà: Bà ngoại em năm nay ngoài bảy mươi tuổi. Bà đã già, ít vận động nên dáng người có phần đầy đặn. Nhưng cũng vì thế mà trông bà đã phúc hậu càng phúc hậu hơn. Bà luôn quan tâm và động viên chúng em ở mọi việc. Đối với em bà là người gần gũi và nhân hậu nhất.

Mở rộng vốn từ Trung thực - Tự trọng (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài phần Luyện tập, trong tiết tập làm văn "**Đoạn văn trong bài văn kể chuyện**":

"Dưới đây là ba đoạn văn được viết theo cốt truyện **Hai mẹ con và bà tiên**, trong đó hai đoạn đã hoàn chỉnh, còn một đoạn mới chỉ có phần mở đầu và phần kết thúc. Hãy viết tiếp phần còn thiếu.

a) Ngày xưa, ở làng kia, có hai mẹ con cô bé sống trong một túp lều. Họ phải làm lụng vất vả quanh năm mới đủ ăn.

b) Một hôm, người mẹ không may bị bệnh nặng. Cô bé ngày đêm chăm sóc mẹ, nhưng bệnh mẹ mỗi ngày một nặng thêm. Có người mách:

- Ở vùng bên có ông thầy thuốc giỏi chữa được bệnh này.

Cô bé nhờ bà con hàng xóm trông nom mẹ, ngay hôm ấy lên đường.

c) Vừa đi, cô bé hiếu thảo vừa lo mấy đồng mang theo không đủ trả tiền thuốc cho mẹ. Bỗng cô thấy bên đường có vật gì như chiếc tay nải ai bỏ quên.

...

Bà lão cười hiền hậu:

- Khen cho con đã hiếu thảo lại thật thà. Ta chính là tiên thử lòng con đấy thôi. Con thật đáng được giúp đỡ. Hãy đưa ta về nhà chữa bệnh cho mẹ con."

Để hoàn thành bài tập này học sinh cần tìm ra được sự liên kết giữa các câu văn đứng trước và đứng sau những câu văn cần phát triển. Đó là sự liên kết giữa hành động cô bé không mang đủ tiền để mua thuốc cho mẹ rồi hành động cô nhặt được tay nải của ai đó bị rơi với lời khen của bà tiên. Điều đó quyết định nội dung đoạn văn học sinh cần điền phải diễn tả được quyết định của cô bé về việc trả lại tay nải cho người bị mất. Từ đó nêu bật lên được sự thật thà, tự trọng của nhân vật trong truyện. Làm được điều này tức là học sinh đã kể lại được câu chuyện đúng yêu cầu đề bài và đúng chủ điểm "Măng mọc thẳng". Tuy nhiên trên thực tế trong các tiết Tập làm văn, học sinh chỉ mới dừng lại ở việc làm rõ được sự thật thà của cô bé trong chuyện chứ chưa nêu được một phẩm chất đáng quý nữa của cô chính là lòng tự trọng. Vì vậy, để làm được điều trên, học sinh phải hiểu rất rõ nghĩa các từ "trung thực, tự trọng", phải được mở rộng thêm các từ chỉ hoạt động, lời nói của một người trung thực, tự trọng. Thêm vào đó, học sinh cần biết ngữ cảnh chính xác để nói về một người trung thực, tự trọng.

b) Phân tích bài tập 1, trong tiết tập làm văn "Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện" đề bài như sau: Dựa vào tranh và lời kể dưới tranh, kể lại cốt truyện "Ba lười rìu".

Để làm tốt bài tập này học sinh cần quan sát, đọc từng lời kể dưới mỗi tranh minh họa trong sách giáo khoa và suy nghĩ về nội dung, ý nghĩa của truyện. Để kể lại cốt truyện cho rõ ý, học sinh cần trả lời những câu hỏi:

- Truyện có mấy nhân vật?

- Nội dung truyện nói lên điều gì ý nghĩa? (Chàng tiểu phu được tiên ông thử thách lần lượt qua ba lười rìu đã thể hiện tính thật thà, trung thực thật đáng quý).

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: " là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm "Trung thực - tự trọng"; tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa với trung thực và đặt câu với một từ tìm được; nắm được nghĩa từ "tự trọng".

- Biết thêm được nghĩa một số từ ngữ về chủ điểm "Trung thực - tự trọng"; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt có tiếng "trung" theo hai nhóm nghĩa và đặt câu được với một số từ trong nhóm.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung các dạng bài tập: sử dụng từ "tự trọng"; bài tập mở rộng thêm các từ chỉ hành động, lời nói của một người trung thực, tự trọng; bài tập dạy sử dụng các từ ngữ nói về một người trung thực, tự trọng. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1:

Nối từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. tự chủ	a. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá, danh dự của mình
2. tự hào	b. Tổ thái độ bực tức, khó chịu khi người khác về mình với ý coi thường, xúc phạm.
3. tự ái	c. Lấy làm hãnh diện một cách chính đáng về những điều tốt đẹp mà mình có.
4. tự cao	d. Tự mình mình làm, không phụ thuộc vào ai.
5. tự trọng	e. Tự mình cho là nhất, là hơn người mà coi thường người khác.

Đáp án:

Nối từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. tự chủ	a. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá, danh dự của mình
2. tự hào	b. Tổ thái độ bực tức, khó chịu khi người khác về mình với ý coi thường, xúc phạm.
3. tự ái	c. Lấy làm hãnh diện một cách chính đáng về những điều tốt đẹp mà mình có.
4. tự cao	d. Tự mình mình làm, không phụ thuộc vào

	ai.
5. tự trọng	e. Tự mình cho là nhất, là hơn người mà coi thường người khác.

Bài tập 2: Dành cho học sinh đại trà

Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp: *tự tin, tự kiêu, tự hào, tự ái, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ*

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu

Đáp án:

Xếp các từ vào nhóm thích hợp: *tự tin, tự kiêu, tự hào, tự ái, tự chủ, tự trọng, tự ti, tự cao, tự giác, tự phụ, tự vệ*

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu
<i>tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự giác, tự vệ,</i>	<i>tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ,</i>

Bài tập 3: Dành cho học sinh giỏi

Tìm từ ghép có tiếng "tự" nói về hành động, tính cách con người rồi chia thành 2 nhóm:

Hành động, phẩm chất tốt đẹp	Hành động, tính xấu

Đáp án:

Tìm từ ghép có tiếng "tự" nói về hành động, tính cách con người rồi chia thành 2 nhóm:

a) Hành động, tính chất tốt	b) Hành động, tính chất xấu
<i>tự tin, tự hào, tự chủ, tự trọng, tự giác, tự vệ,</i>	<i>tự kiêu, tự ái, tự ti, tự cao, tự phụ,</i>

Bài tập 4:

Đặt câu với 3 từ ở nhóm a, 3 từ ở nhóm b trong bài tập 2.

Bài tập 5: Học sinh đại trà

Gạch chân dưới những từ không nói về tính cách của một người trung thực trong mỗi dòng dưới đây:

a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình. b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.

c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.

d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Đáp án:

Gạch chân dưới những từ không nói về tính cách của một người trung thực trong mỗi dòng dưới đây:

a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.

b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.

c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.

d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Bài tập 6: Học sinh giỏi

Gạch chân dưới từ khác loại trong mỗi dòng dưới đây:

a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.

b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.

c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.

d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Em hãy đặt tên cho nhóm từ không được gạch chân ở các dòng trên. Những từ đó nói lên phẩm chất gì của con người.

Đáp án:

Gạch chân dưới từ khác loại trong mỗi dòng dưới đây:

a) thật thà, thật lòng, thành thật, thật tâm, thật tình.

b) ngay ngắn, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tính, ngay thật.

c) chân thật, chân thành, chân lí, chân tình, chân chất.

d) bộc trực, trực ban, chính trực, trực tính, cương trực.

Đặt tên cho nhóm từ không được gạch chân ở các dòng trên:
Nhóm từ chỉ tính cách trung thực.

Những từ đó nói lên phẩm chất trung thực của con người.

Bài tập 7 (Học sinh giỏi):

Tìm và sửa lại các từ dùng sai trong các câu dưới đây.

a) Bạn Lan rất tự ái nên không muốn cho ai biết những khó khăn của mình.

b) Trong lớp em, Hoa là học sinh rất chân chính, nghĩ sao nói vậy.

Đáp án:

a) "tự ái" sửa thành "tự trọng"

b) "chân chính" sửa thành "chân thật"

Mở rộng vốn từ: Ước mơ (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1:

Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài trong tiết tập làm văn "*Luyện tập trao đổi ý kiến với người thân*", đề bài như sau:

"Em có nguyện vọng học thêm một môn năng khiếu (họa, nhạc, võ thuật, ...). Trước khi nói với bố mẹ, em muốn trao đổi với anh (chị) để anh (chị) hiểu và ủng hộ nguyện vọng của em.

Hãy cùng bạn đóng vai em và anh (chị) để thực hiện cuộc trao đổi." Giúp học sinh hoàn thành bài tập như đề bài nêu trên, sách giáo khoa đã đưa ra ba bài tập gợi ý như sau:

"1. Xác định mục đích trao đổi:

Làm cho anh (chị) hiểu rõ nguyện vọng của mình và giải đáp các thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) đặt ra để anh (chị) ủng hộ nguyện vọng ấy.

2. Hình dung những thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) có thể nêu ra để tìm cách giải đáp:

- a) Học thêm các môn năng khiếu sẽ mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc học văn hóa ở trường.
- b) Ngoài giờ học ở trường, em phải dành thời gian làm việc nhà. Học thêm các môn năng khiếu, em sẽ không làm giúp gia đình được.
- c) Nhà em ở xa câu lạc bộ, đi học các môn năng khiếu sẽ gặp khó khăn.
- d) Em không có năng khiếu họa, nhạc hoặc võ thuật.
- e) Em gầy yếu, không học võ thuật được.
- g) Con gái đi học võ thuật người ta chê cười.

...

3. Khi đóng vai trao đổi với bạn cùng nhóm, cần sử dụng cử chỉ, điệu bộ hỗ trợ cho lời nói."

Với những gợi ý trên đây, sách giáo khoa mới làm rõ được phần giúp học sinh lường trước các thắc mắc, khó khăn có thể gặp phải khi trình bày với anh (chị). Sách giáo khoa chưa làm rõ được cách giúp học sinh cách diễn đạt rõ nguyện vọng của mình.

Trên thực tế, để đạt được mục đích "giúp học sinh biết đóng vai trao đổi tự nhiên, tự tin, thân ái, cử chỉ thích hợp, lời lẽ có sức thuyết phục, đạt mục đích đặt ra" [46, tr207] thì giáo viên còn phải hướng dẫn học sinh cách nói rõ ràng, thuyết phục nguyện vọng của mình cho người khác hiểu. Ở đây, nói rõ ràng là nêu luôn nguyện vọng được đi học một môn năng khiếu mình muốn cho anh (chị) biết. Nói thuyết phục là phải gắn nguyện vọng đó với ước mơ, mong muốn chính đáng mà mình đang có cơ hội được thực hiện. Để nói được một cách thuyết phục như vậy, học sinh phải hiểu nghĩa và biết sử dụng một cách linh hoạt các từ "ước mơ, mong muốn, ao ước" cũng như những từ "mơ mộng, mơ tưởng, mơ hồ".

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Ước mơ theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Theo như sự phân tích ở bước 1, tiết "Mở rộng vốn từ: Ước mơ" Tiếng Việt 4, tập 1, trang 87 mới bước đầu phân biệt được giá trị những ước mơ cụ thể. Ngoài ra, không có bài tập để học sinh thực hành nói lên ước mơ của mình bằng những từ theo chủ điểm được học. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1: Học sinh đại trà

Nói các từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. mơ tưởng	a. Mong muốn, ao ước điều tốt đẹp trong tương lai.
2. mơ hồ	b. Say mê, đeo đuổi những điều tốt đẹp nhưng xa vời, khó thành hiện thực.
3. ước mơ	c. Mong mỏi, ao ước một cách hão huyền.

4. mơ mộng	d. Thấy mơ hồ, trạng thái không được tỉnh táo.
5. mơ màng	e. Không rõ ràng, mạch lạc, có nhiều cách hiểu khác nhau hoặc hiểu thế nào cũng được.

Đáp án:

Nối các từ với lời giải nghĩa thích hợp

A	B
1. mơ tưởng	a. Mong muốn, ao ước điều tốt đẹp trong tương lai.
2. mơ hồ	b. Say mê, đeo đuổi những điều tốt đẹp nhưng xa vời, khó thành hiện thực.
3. ước mơ	c. Mong mỏi, ao ước một cách hão huyền.
4. mơ mộng	d. Thấy mơ hồ, trạng thái không được tỉnh táo.
5. mơ màng	e. Không rõ ràng, mạch lạc, có nhiều cách hiểu khác nhau hoặc hiểu thế nào cũng được.

Bài tập 2: Học sinh giỏi

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 11 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 5 từ trái nghĩa với từ ước mơ.

Đáp án:

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 11 từ cùng nghĩa, gần nghĩa với từ ước mơ: ước mơ; ước mong, ước muốn, ước mộng, mơ ước, mong ước, mong muốn, mộng ước, mộng mơ, mong mong, muốn muốn.

Ghép các tiếng "ước, mơ, mong, muốn, mộng, tưởng" để được 5 từ trái nghĩa với từ ước mơ: mơ mộng, mơ tưởng, mong tưởng, mộng tưởng, mộng ước.

Bài tập 3: Học sinh giỏi

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để hoàn thiện câu nói về ước mơ rồi đánh giá những ước mơ đó.

- a) Lan trở thành bác sĩ.
-> Đây là ước mơ:
- b) Cuối tuần, tôi được bố mẹ cho đi chơi
-> Đây là ước mơ:
- c) mình được bay lên cùng với các vì sao.
-> Đây là ước mơ:
- d) bạn Hoa học dốt hơn mình.
-> Đây là ước mơ:

Đáp án:

Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để hoàn thiện câu nói về ước mơ rồi đánh giá những ước mơ đó.

a) Lan ước mơ trở thành bác sĩ.

-> Đây là ước mơ: được đánh giá cao

b) Cuối tuần, tôi mong muốn được bố mẹ cho đi chơi

-> Đây là ước mơ: được đánh giá không cao c) Giá như mình được bay lên cùng với các vì sao.

-> Đây là ước mơ viễn vông

d) Ước gì bạn Hoa học tốt hơn mình.

-> Đây là ước mơ tầm thường

Bài tập 4: Học sinh đại trà

Em hãy viết tiếp cho trọn một câu nói lên một nguyện vọng hay một ước mơ chính đáng của mình.

a) Em mong rằng

b) Nguyện vọng của em là được

c) Em mơ ước

d) Giá như

Đáp án:

Em hãy viết tiếp cho trọn một câu nói lên một nguyện vọng hay một ước mơ chính đáng của mình.

a) Em mong rằng sau này mình sẽ trở thành cô giáo dạy các em nhỏ.

b) Nguyện vọng của em là được học múa ở Cung thiếu nhi.

c) Em mơ ước được hát hay như ca sĩ Mỹ Tâm.

d) Giá như em cũng nhảy đẹp như Khánh Thy thì thật tuyệt!

Bài tập 5: Học sinh giỏi

Em hãy chọn một câu trong bài tập 4 rồi viết các câu tiếp theo để thuyết phục người nghe đồng tình với nguyện vọng, ước mơ chính đáng của mình.

Đáp án:

a) Em mong rằng sau này mình sẽ trở thành cô giáo dạy các em nhỏ. Muốn trở thành cô giáo, bây giờ em phải học thật giỏi. Muốn học được giỏi, mỗi ngày em sẽ tự giác làm hết bài tập và đọc thêm các quyển sách nâng cao nữa.

b) Nguyện vọng của em là được học múa ở Cung thiếu nhi. Học múa rất tốt cho sức khỏe. Học múa sẽ giúp em nhanh nhẹn hơn. Học múa giúp em có một tinh thần minh mẫn để học tốt hơn ở trường.

c) Em mơ ước được hát hay như ca sĩ Mỹ Tâm. Hát hay, em sẽ được nhiều người yêu mến. Nhưng muốn hát được hay, em phải được đi học một lớp thanh nhạc ở Cung thiếu nhi.

d) Giá như em cũng nhảy đẹp như Khánh Thy thì thật tuyệt! Nhảy đẹp sẽ giúp em có một sức khỏe dẻo dai. Nhảy đẹp giúp em tự tin hơn. Nhưng muốn như thế, em phải được đi học một lớp ở Cung thiếu nhi.

Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài:

a) Phân tích đề bài 2 và 3 trong tiết tập làm văn "Ôn tập văn kể chuyện", đề bài như sau:

"2. Kể một câu chuyện về một trong các đề tài sau:

- a) Đoàn kết, thương yêu bạn bè.
 - b) Giúp đỡ người tàn tật.
 - c) Thật thà, trung thực trong đời sống.
 - d) Chiến thắng bệnh tật."
3. Trao đổi với các bạn cùng tổ, cùng lớp về câu chuyện em vừa kể:

- a) Câu chuyện có những nhân vật nào?
- b) Tính cách các nhân vật được thể hiện ở những chi tiết nào?
- c) Câu chuyện nói với em điều gì?
- d) Câu chuyện được mở đầu và kết thúc theo những cách nào?"

Để học sinh làm tốt ý d trong bài tập 2 và trả lời chính xác câu hỏi b trong bài tập 3 nghĩa là học sinh phải chỉ ra nhân vật chính là người nghị lực - ý chí. Vì có nghị lực - ý chí thì nhân vật đó mới có thể chiến thắng được bệnh tật.

Những chi tiết nói lên tính cách nghị lực - ý chí của nhân vật thường được thể hiện qua mỗi từ khóa là những động từ hoặc tính từ tương ứng.

b) Phân tích đề bài 1, 2, 3 phần "Nhận xét" tiết Tập làm văn "Kết bài trong bài văn kể chuyện", đề bài như sau:

1. Đọc lại truyện "Ông Trạng thả diều".
2. Tìm đoạn kết bài của truyện.
3. Thêm vào cuối truyện một lời đánh giá, nhận xét làm đoạn kết bài.

M: Câu chuyện này giúp em thấm thía hơn lời khuyên của người xưa: "Có chí thì nên". Ai nỗ lực vươn lên, người ấy sẽ đạt được điều mình mong ước.

Để học sinh làm tốt các bài tập trong phần này, các em phải hiểu rõ rằng Nguyễn Hiền là một cậu bé rất thông minh, có ý chí vượt khó nên đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi. Dựa vào nội dung đó, học sinh sẽ đưa ra nhận xét, đánh giá chính xác để làm nên một đoạn kết bài theo kiểu mở rộng.

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Ý chí - nghị lực theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: Ý chí - nghị lực" là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng *chí*) theo hai nhóm nghĩa; hiểu nghĩa từ *nghị lực*; điền đúng một số từ (nói về ý chí, nghị lực) vào chỗ trống trong đoạn văn; hiểu ý nghĩa chung của một số câu tục ngữ theo chủ điểm đã học.

- Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết tìm từ, đặt câu, viết đoạn văn ngắn có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung bài tập dạy sử dụng các từ ngữ nói về một người có ý chí - nghị lực. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập1: Học sinh giỏi

Xếp các từ ngữ vào hai nhóm có nghĩa trái ngược nhau: quyết chí, nản chí, bền chí, nản lòng, vững chí, tu chí, sồn lòng, nuôi chí lớn, mất ý chí, vượt khó, miệt mài

A	B

Em hãy đặt tên cho mỗi nhóm từ trên.

Đáp án:

.....

The using software is free version, you can upgrade it to the upgrade version.<http://www.convert-pdf-word.com>

Xếp các từ ngữ vào hai nhóm có nghĩa trái ngược nhau: quyết chí, nản chí, bền chí, nản lòng, vững chí, tu chí, sồn lòng, nuôi chí lớn, mất ý chí

Từ nói về ý chí - nghị lực của con người	Từ nêu lên những thử thách với ý chí, nghị lực của con người
quyết chí, bền chí, vững chí, tu chí nuôi chí lớn, vượt khó, miệt mài	nản chí, nản lòng, sồn lòng, mất ý chí

Bài tập2: Học sinh đại trà

Em hãy chọn một trong các từ ở bài 1 điền vào ô trống cho thích hợp:

a) Nguyễn Hiền là một cậu bé nhà nghèo ham thả diều nhưng cũng rất ham học. Nhờ có và phi thường, Nguyễn Hiền đã để học giỏi, đỗ đầu kì thi cao nhất thời xưa và được phong là Trạng Nguyên.

b) Thấy Long buồn vì bị điểm kém, mẹ an ủi: "Con đừng , nếu con mẹ tin chắc con sẽ được điểm cao trong kì thi sắp tới."

Đáp án:

a) ý chí, nghị lực, vượt khó

b) nản chí/ nản lòng, quyết chí/ vững chí

Bài tập 3: Học sinh đại trà

Gạch chân dưới những từ hoặc cụm từ nói về ý chí - nghị lực của Niu - ton ở mỗi đoạn văn dưới đây:

Giờ nghỉ hôm ấy, Niu - ton bị một cậu học sinh giỏi nhất lớp nhưng kiêu căng, ngỗ nghịch chế nhạo. Tức giận, Niu - ton quyết chí học thật giỏi. Niu - ton tự đề ra cho mình một kế hoạch học tập rất tích cực. Cậu miệt mài làm hết các bài thầy ra. Bài nào cậu cũng học kĩ, nắm chắc. Cậu còn đọc thêm nhiều sách, mãi mê đến quên ngủ. Chỉ vài tháng sau, cậu đã vượt lên, trở thành học trò xuất sắc nhất lớp.

Theo Tsi - chi - a - kóp

Đáp án:

Giờ nghỉ hôm ấy, Niu - ton bị một cậu học sinh giỏi nhất lớp nhưng kiêu căng, ngỗ nghịch chế nhạo. Tức giận, Niu - ton quyết chí học thật giỏi. Niu - ton tự đề ra cho mình một kế hoạch học tập rất tích cực. Cậu miệt mài làm hết các bài thầy ra. Bài nào cậu cũng học kĩ, nắm chắc. Cậu còn đọc thêm nhiều sách, mãi mê đến quên ngủ. Chỉ vài tháng sau, cậu đã vượt lên, trở thành học trò xuất sắc nhất lớp.

Bài tập 4: (hỗ trợ bài tập 3 trang 127-Tiếng Việt 4, tập 1)

Dựa vào bài tập 3, em hãy viết một đoạn văn (từ 10 đến 15 câu) nói về một người nhờ có ý chí - nghị lực đã vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Bài tập 5: Học sinh giỏi

Em hãy viết từ 1 đến 3 câu nói về ý chí - nghị lực của các nhân vật: Nguyễn Hiền trong *Ông Trọng thả diều*; Bạch Thái Bưởi trong *"Vua tàu thủy"* *Bạch Thái Bưởi*; Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi trong *Vẽ trứng*; Cao Bá Quát trong *Văn hay chữ tốt*.

Đáp án:

Nguyễn Hiền đã trở thành Trọng nguyên nhỏ tuổi nhất nước Nam nhờ ý chí, nghị lực không ngừng vươn lên của mình.

Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - Trò chơi (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Đề soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài trong phần luyện tập của tiết tập làm văn "*Quan sát đồ vật*" và tiết "*Luyện tập miêu tả đồ vật*":

"*Dựa theo kết quả quan sát của em, hãy lập một dàn ý tả đồ chơi mà em đã chọn*"

và "*Tả một đồ chơi mà em thích*"

Để làm tốt đề bài trên, học sinh phải chọn một thứ đồ chơi yêu thích (có thể là đồ chơi của học sinh, không có trong các hình vẽ ở sách giáo khoa) để quan sát theo những gợi ý:

- Quan sát theo một trình tự nhất định: Nhìn bao quát hình dáng, màu sắc và chất liệu ra sao; Quan sát từng bộ phận cụ thể (bên ngoài - bên trong, bên trên - bên dưới, đầu - mình - chân tay, ...) có đặc điểm gì nổi bật.

- Quan sát bằng nhiều giác quan: Dùng mắt để xem hình dáng, màu sắc, kích thước ... của đồ chơi; Dùng tay để biết đồ chơi mềm hay rắn, nhẵn nhụi hay thô ráp, nặng hay nhẹ, ...; Dùng tai để nghe đồ chơi khi chơi có phát ra tiếng động hay không, tiếng động như thế nào, ...

Để làm được những điều trên, học sinh cần được trang bị thêm những từ ngữ dùng để miêu tả hình dáng bên ngoài của một số đồ chơi gần gũi với học sinh theo giới tính và lứa tuổi. Thêm vào đó, học sinh cũng cần biết thêm một số từ chỉ hoạt động dùng để miêu tả cách chơi những đồ chơi nêu trên.

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - trò chơi theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - trò chơi" là giúp học sinh:

- Biết thêm tên một số đồ chơi, trò chơi; phân biệt được những đồ chơi có lợi và những đồ chơi có hại; nêu được một vài từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi.

- Biết dựa vào mục đích, tác dụng để phân loại một số trò chơi quen thuộc; tìm được một vài thành ngữ, tục ngữ có nghĩa cho trước liên quan đến chủ điểm; bước đầu biết sử dụng một vài thành ngữ, tục ngữ ở bài tập 2 trong tình huống cụ thể.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết Tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung một số bài tập như sau: bài tập hệ thống các từ dùng để miêu tả cái đẹp bên ngoài của một số đồ chơi; bài tập dạy sử dụng các từ chỉ hoạt động miêu tả cách chơi những đồ chơi đó. Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1:

Xếp các từ dưới đây vào 2 nhóm đồ chơi, trò chơi: búp bê, nấu ăn, bắn bi, bộ nồi bát đĩa bằng nhựa, làm bác sĩ, quả cầu, bán hàng, đu quay, xích đu, viên bi, trốn tìm, bịt mắt bắt dê, máy playboy, điện tử, người máy, xếp hình, gấu bông,

Đồ chơi	Trò chơi

Đáp án:

Xếp các từ dưới đây vào 2 nhóm đồ chơi, trò chơi:

Đồ chơi	Trò chơi
búp bê, bộ nồi bát đĩa bằng nhựa, quả cầu, xích đu, viên bi, máy playboy, người máy, gấu bông,	nấu ăn, bắn bi, làm bác sĩ, bán hàng, đu quay, viên bi, trốn tìm, bịt mắt bắt dê, điện tử, xếp hình,

Bài tập 2:

Bổ sung thêm những từ ở bài tập 1 về đồ chơi và trò chơi, rồi sắp xếp vào đúng cột bên dưới:

Đồ chơi - trò chơi dành cho bạn nam	Đồ chơi - trò chơi dành cho bạn nữ	Đồ chơi - trò chơi dành cho tất cả các bạn

Đáp án:

Bổ sung thêm những từ ở bài tập 1 về đồ chơi và trò chơi, rồi sắp xếp vào đúng cột bên dưới:

Đồ chơi - trò chơi dành cho bạn nam	Đồ chơi - trò chơi dành cho bạn nữ	Đồ chơi - trò chơi dành cho tất cả các bạn
viên bi - bắn bi, quả cầu - đá cầu, máy playboy - điện tử, người máy - xếp hình	búp bê - bé em, nấu ăn - bộ nồi bát đĩa bằng nhựa, gấu bông - bé em	làm bác sĩ - bộ tai nghe bằng nhựa; đu quay - xích đu, trốn tìm, bịt mắt bắt dê - khăn bịt mắt,

Bài tập 3:

Trong những đồ chơi được nêu ở bài tập 2, những đồ chơi nào:

a) Em có, hay chơi:

.....

.....

.....

b) Em không có, ít chơi:

.....

.....

.....

Bài tập 4: Học sinh giỏi

Dưới mỗi từ chỉ đồ chơi dưới đây, em hãy đặt một câu nói về cách chơi các đồ chơi đó.

a) búp bê:

.....

b) ô tô:

.....

c) chong chóng:

.....

d) dây quay:

.....

Đáp án:

Dưới mỗi từ chỉ đồ chơi dưới đây, em hãy đặt một câu nói về cách chơi các đồ chơi đó.

a) búp bê: Lan bế em búp bê lên và vỗ vỗ giả vờ như đang ru em ngủ.

b) ô tô: Nam cầm điều khiển chĩa vào chiếc ô tô rồi khéo léo điều khiển cho chiếc xe chạy qua các chướng ngại vật.

c) chong chóng: Hương khéo léo buộc chặt que cắm chong chóng vào tay lái của chiếc xe đạp rồi đạp một vòng cho chong chóng quay tít.

d) dây quay: Hoa và Mai mỗi người cầm một đầu dây quay quay đều, Lan ở giữa nhảy rất nhịp nhàng.

Bài tập 5: Em hãy viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu tả về cách chơi một trong những trò chơi được nêu trong câu hát: "... đá bóng với đá cầu, nhảy dây, bắn bi, trốn tìm. Ôi hấp dẫn tuyệt vời nhưng mà em không dám đâu..."

Mở rộng vốn từ: Cái đẹp (Tiếng Việt 4 - Tập 2)

Để soạn thảo một số bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hỗ trợ cho học sinh lớp 4 học Tập làm văn, tôi tiến hành một số bước sau:

Bước 1: Phân tích yêu cầu sử dụng từ ngữ của đề bài 2 trong tiết tập làm văn "*Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối*", đề bài như sau:

"Viết một đoạn văn tả lá, thân hay gốc của một loại cây mà em yêu thích"

Để làm được bài tập trên, học sinh phải xác định được đối tượng miêu tả là "lá, thân hay gốc" nhưng là của một loại cây mà em *yêu thích* chứ không phải một loại cây mà em *biết*. "Loại cây mà em yêu thích" có nghĩa là trong quá trình tả, học sinh phải biết lựa chọn các từ ngữ miêu tả sao cho thể hiện được tình cảm yêu thích của mình đối với đối tượng được tả chứ không đơn thuần chỉ là tả một cách "nhìn gì nói nấy" như khi miêu tả một loài cây em đã biết thông thường.

Bước 2: Xác định hướng Mở rộng vốn từ: Cái đẹp theo hướng hỗ trợ cho Tập làm văn. Dựa vào mục đích tiết "Mở rộng vốn từ: Cái đẹp" là giúp học sinh:

- Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm "Vẻ đẹp muôn màu", biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học; bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp.

- Biết thêm một số câu tục ngữ liên quan đến cái đẹp; nêu được một trường hợp có sử dụng 1 câu tục ngữ đã biết; dựa theo mẫu để tìm được một vài từ ngữ tả mức độ cao của cái đẹp; đặt câu được với 1 từ tả mức độ cao của cái đẹp.

Cùng với việc phân tích các bài tập làm văn ở bước 1. Để học sinh học tốt tiết tập làm văn nói trên, chúng tôi bổ sung một số bài tập dạy sử dụng các từ ngữ tả mức độ cao của cái đẹp (về một cái cây mà em yêu

thích). Dựa vào kết quả phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất một số bài tập bổ sung cho chủ đề này như sau:

Bài tập 1: Tìm từ ngữ (hoặc cụm từ) nói về các bộ phận lá, thân, gốc của cây cối.

+ Lá: (M - hình răng cưa)

.....

+ Thân: (M - vững chắc)

.....

+ Gốc (M - to)

.....

Đáp án:

Tìm từ ngữ (hoặc cụm từ) nói về các bộ phận lá, thân, gốc của cây cối.

+ Lá: (M - hình răng cưa) nhỏ nhắn, màu xanh non, màu xanh thẫm, màu xanh rì, to bản xòe rộng, mượt xanh, thuôn dài, vàng, đỏ.

+ Thân: (M - vững chắc) chắc khỏe, cao vút, thẳng đứng, được uốn theo thế rất đẹp, mảnh, nhỏ, dây leo, đồ sộ.

+ Gốc (M - to) xù sì, ngoằn ngoèo,

Bài tập 2: Gạch chân dưới những từ nói lên vẻ đẹp của một cái cây, những từ ngữ đó nói về bộ phận nào của cây.

Bài tập 3 (Dành cho học sinh đại trà): Đặt câu với ba trong các từ vừa tìm được ở bài 1 để làm rõ được cái đẹp của bộ phận một loại cây em thích.

Bài tập 4 (Dành cho học sinh khá - giỏi): Viết một đoạn văn từ 4 đến 6 câu tả về vẻ đẹp của bộ phận một loài cây em thích.

2.2. Ứng dụng các bài tập Mở rộng vốn từ lớp 4 vào việc tổ chức dạy Tập làm văn

Việc "Ứng dụng các bài tập Mở rộng vốn từ lớp 4 vào việc tổ chức dạy Tập làm văn" trước hết phải bàn đến thời điểm và thời gian cho học sinh làm các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung. Theo phân phối chương trình Tiểu học hiện nay, mỗi ngày giáo viên chủ nhiệm có một tiết Hướng dẫn học để bổ trợ thêm những kiến thức học sinh còn yếu trong các tiết học chính hoặc hướng dẫn học sinh soạn trước các bài sắp học. Như vậy, học sinh sẽ được làm các bài Mở rộng vốn từ bổ sung vào thời điểm học các tiết Hướng dẫn học này với thời gian chuẩn của mỗi tiết học là 40 phút dành cho học sinh lớp 4.

Tiếp đó, ở phần này chúng tôi sẽ đưa ra định hướng khai thác các tiết Tập làm văn trên cơ sở học sinh đã được làm các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung như đã trình bày ở phần 1.2 ở chương 2. Cụ thể như sau:

Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho các tiết Tập làm văn: *Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện* và *Luyện tập xây dựng cốt truyện*. Sự hỗ trợ đó được khai thác theo hướng như sau:

a) Khi hướng dẫn học sinh làm bài tập số 2 phần Luyện tập của tiết Tập làm văn *Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện* giáo viên cho học sinh nhận xét về tính cách các nhân vật bà cụ và nàng tiên. Học sinh dễ dàng nhận ra bà cụ là người nhân hậu còn nàng tiên là người tốt bụng và hiếu thảo. Từ những nhận xét trên, giáo viên đặt những câu hỏi gợi mở giúp học sinh nêu ra được các từ tả tính cách, ngoại hình của một người nhân hậu. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

b) Khi hướng dẫn học sinh làm bài văn trong tiết Tập làm văn *Luyện tập xây dựng cốt truyện* giáo viên có thể định hướng cho học sinh xây dựng cốt truyện theo hướng nói về sự nhân hậu và sự hiếu thảo. Để xây dựng được cốt truyện theo đúng định hướng trên, trong quá trình khai thác đề bài và phân tích đặc điểm ngoại hình, lời nói, suy nghĩ hành động của từng nhân vật giáo viên phải gợi mở cho học sinh để nêu bật lên tính cách của mỗi nhân vật: cô bé là người hiếu thảo, tốt bụng; bà tiên là người nhân hậu. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

Mở rộng vốn từ Trung thực - Tự trọng (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho các tiết Tập làm văn: *Đoạn văn trong bài văn kể chuyện* và *Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện*. Sự hỗ trợ đó được khai thác theo hướng như sau:

a) Khi hướng dẫn học sinh làm phần Luyện tập trong tiết Tập làm văn *Đoạn văn trong bài văn kể chuyện* giáo viên cho học sinh nhận xét về tính cách của cô bé trong truyện. Học sinh dễ dàng nhận ra cô bé là người hiếu thảo, trung thực. Từ những nhận xét trên, giáo viên đặt những câu hỏi gợi mở giúp học sinh nêu ra được các từ tả tính cách, ngoại hình của một người hiếu thảo. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

b) Khi hướng dẫn học sinh làm bài tập trong tiết Tập làm văn *Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện* giáo viên cho học sinh nhận xét về tính cách của chàng tiều phu trong truyện. Học sinh dễ dàng nhận ra chàng tiều phu là người thật thà, trung thực. Từ những nhận xét trên, giáo viên đặt những câu hỏi gợi mở giúp học sinh nêu ra được các từ nói lên hành động, lời nói, suy nghĩ thể hiện trên nét mặt của một chàng trai thật

thà, trung thực. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

Mở rộng vốn từ: Ước mơ (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho bài tập trong tiết Tập làm văn *Luyện tập trao đổi ý kiến với người thân*. Sự hỗ trợ đó được thể hiện trong mẫu nêu nguyện vọng và cách triển khai các lí do để nêu nguyện vọng mà học sinh được làm trong bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung. Như vậy, học sinh có thể nói ra một cách tự nhiên các mẫu nêu nguyện vọng như: Em mong rằng...; Nguyện vọng của em là được...; Em mơ ước...; Giá như ... trong cuộc trao đổi với người thân.

Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho bài tập 2, 3 trong phần Nhận xét của tiết Tập làm văn *Kết bài trong bài văn kể chuyện*. Khi khai thác các bài tập trong tiết này, giáo viên cho học sinh đánh giá, nhận xét Nguyễn Hiền là người như thế nào. Học sinh dễ dàng nhận ra đó là một người có ý chí, nghị lực để vượt qua mọi khó khăn trong học tập. Từ những nhận xét trên, giáo viên đặt những câu hỏi gợi mở giúp học sinh nhận biết đâu là một kết bài mở rộng và cách xây dựng một kết bài mở rộng. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - Trò chơi (Tiếng Việt 4 - Tập 1)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho các tiết Tập làm văn: *Quan sát đồ vật* và *Luyện tập miêu tả đồ vật*. Sự hỗ trợ đó được khai thác theo hướng như sau:

a) Khi hướng dẫn học sinh làm phần *Luyện tập* trong tiết Tập làm văn *Quan sát đồ vật* giáo viên cho học sinh lựa chọn đồ vật định quan sát; cách quan sát đồ vật đó. Dựa vào các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung, học sinh đã lựa chọn được đúng đồ vật (là một đồ chơi) theo lứa tuổi và giới tính. Cũng dựa vào những bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung và các câu hỏi gợi mở giáo viên sẽ hướng học sinh quan sát đồ chơi mình chọn bằng các giác quan khác nhau. Khi quan sát ở mỗi giác quan, giáo viên gợi mở cho học sinh các sử dụng các từ để nêu bật được đặc điểm của đồ chơi đó. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

b) Khi hướng dẫn học sinh làm bài văn trong tiết Tập làm văn *Luyện tập miêu tả đồ vật* giáo viên cho học sinh dựa trên dàn ý đã xây dựng ở tiết trước để xây những đoạn văn và câu văn hợp lí. Trong bài tập này, bằng câu hỏi gợi mở giáo viên sẽ giúp học sinh diễn đạt được thật chuẩn các câu văn tả đồ chơi và cách chơi các đồ chơi đó. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

Mở rộng vốn từ: Cái đẹp (Tiếng Việt 4 - Tập 2)

Ở chủ điểm này, các bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung có thể hỗ trợ được cho bài tập 2 trong phần Luyện tập của tiết Tập làm văn *Luyện tập miêu tả các bộ phận của cây cối*. Để khai thác bài tập này, giáo viên giúp học sinh huy động các vốn từ đã tích lũy trong quá trình làm bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung về các bộ phận thân, gốc, lá của một loài cây em yêu thích. Sau đó giáo viên giúp học sinh đặt được các câu văn trong đó có sử dụng vốn từ vừa được huy động. Cuối cùng, giáo viên hướng dẫn học sinh liên kết các câu văn tạo thành đoạn cho hợp lí. Làm được điều này cả học sinh và giáo viên đều được hỗ trợ từ kết quả của các bài Mở rộng vốn từ bổ sung trước đó.

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm xác minh tính khả thi và tính hiệu quả của các bài tập Mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn, góp phần chứng minh giả thuyết khoa học đã nêu trong sáng kiến kinh nghiệm là đúng.

3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm

Đối tượng thực nghiệm là học sinh lớp 4A, 4B, 4C, 4D, 4E, 4G tại trường tiểu học Cát Linh.

3.3. Nội dung thực nghiệm

Nội dung chủ yếu của thực nghiệm dạy học là tiến hành dạy học theo 2 loại giáo án khác nhau: giáo án thực nghiệm (áp dụng hệ thống bài tập trong sáng kiến kinh nghiệm) và giáo án đối chứng (dạy theo giáo án bình thường). Để xây dựng nội dung thực nghiệm kiểm tra, đánh giá cho sáng kiến kinh nghiệm, chúng tôi xây dựng và dạy thử tiết Tập làm văn "Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện" tuần 6, Tiếng Việt lớp 4.

3.4. Kết quả thực nghiệm

Bảng tổng hợp kết quả điểm toàn bài ở các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng:

Lớp	TS	Điểm dưới 5		Điểm 5 - 6		Điểm 7 - 8		Điểm 9 - 10	
TN- 4A	58			24	41,5%	28	48,9%	6	9,6%
ĐC- 4B	56			28	50,0%	26	47,5%	2	2,5%
TN - 4C	47			18	39,5%	24	52,6%	5	7,9%
ĐC - 4D	47	1	2,6%	21	46,2%	22	48,7%	4	2,6%
TN - 4E	55			29	52,8%	21	38,9%	5	8,3%
ĐC - 4G	53	2	2,9%	31	58,8%	20	38,2%		
TN	160			71	44,3%	75	47,0%	14	8,7%
ĐC	150	3	2%	80	51,3%	67	45,1%	1	1,8%

Qua số liệu trên, chúng tôi thấy tỉ lệ học sinh đạt các điểm khá giỏi (9, 10 điểm) ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Cũng dựa vào bảng tổng kết trên, chúng tôi thấy tỉ lệ học sinh bị điểm trung bình (dưới 5 điểm) ở các lớp thực nghiệm ít hơn nhiều so với các lớp đối chứng. Như vậy, các bài tập Mở rộng vốn từ hỗ trợ học sinh lớp 4 học tốt Tập làm văn mà chúng tôi đề cập ở trên có tác động tích cực đến việc học sinh đạt kết quả tốt trong các tiết Tập làm văn.

KẾT LUẬN

Qua thực nghiệm sư phạm tôi thấy việc áp dụng các bài tập Mở rộng vốn từ và việc triển khai các kế hoạch dạy Tập làm văn đưa ra trong luận văn thực sự đã giúp học sinh và giáo viên học các tiết Tập làm văn hiệu quả hơn. Có 2 lí do làm nên hiệu quả này là: bài tập Mở rộng vốn từ bổ sung hướng đến được các đối tượng học sinh; sự liên kết giữa bài tập Mở rộng vốn từ với cách khai thác các tiết Tập làm văn mang tính hệ quả rõ ràng. Từ thực tiễn trên, tôi có thể kết luận rằng việc dạy Mở rộng vốn từ lớp 4 để hỗ trợ Tập làm văn là khả thi và hết sức cần thiết. Tuy nhiên để việc vận dụng triển khai các bài tập Mở rộng vốn từ lớp 4 hỗ trợ Tập làm văn đạt hiệu quả, chúng tôi có những ý kiến đề xuất như sau:

1. Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 chương trình hiện hành được xây dựng theo hệ thống chủ điểm, do đó từ trong các tiết Mở rộng vốn từ luôn xoay quanh những chủ điểm cho sẵn. Vì vậy, trên thực tế có nhiều các chủ điểm mà Tập làm văn không sử dụng được vốn từ do Mở rộng vốn từ cung cấp, ví dụ như chủ điểm: Người ta là hoa đất; Những người quả cảm; Khám phá thế giới; Tình yêu cuộc sống (sách giáo khoa Tiếng Việt 4 tập 2). Hoặc kể cả trong những chủ điểm thể hiện rõ mối quan hệ giữa Mở rộng vốn từ với Tập làm văn thì các từ sách giáo khoa đưa ra có nhiều chỗ chưa hợp lí. Ví dụ ở tuần 2, chủ điểm "Thương người như thể thương thân", học sinh được học "Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết" nhưng từ cần khai thác trong "Bài văn bị điểm không" phân nhận xét của tiết Tập làm văn "Kể lại hành động của nhân vật" lại có nội dung về "trung thực - tự trọng" (Được học trong tuần 5)...

Tôi mong rằng những phân tích trên hữu ích cho các cấp chỉ đạo và các nhà nghiên cứu giáo dục tham khảo để chuẩn bị cho việc thay sách giáo khoa giai đoạn 2015 - 2020.

2. Về phía giáo viên trực tiếp đứng lớp, các bài tập mà đề tài đưa ra mới chỉ là những gợi ý cơ bản. Người giáo viên trong thực tế giảng dạy cần sử dụng linh hoạt, sáng tạo hoặc có thể bổ sung những bài tập khác cho phù hợp với đặc điểm và trình độ nhận thức của học sinh nơi mình làm việc để giờ học đạt hiệu quả cao hơn.

GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

Tiết: Tập làm văn (Lớp 4)

Tuần 6: Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện

I. Mục đích, yêu cầu (Theo CKTKN):

- Có hiểu biết ban đầu về đoạn văn kể chuyện (ND Ghi nhớ).
- Biết vận dụng những hiểu biết đã có để tập tạo dựng một đoạn văn kể chuyện.

II. Đồ dùng dạy học:

- Phiếu bài tập Mở rộng vốn từ đã làm.
- Sáu tranh minh họa truyện trong sách giáo khoa phóng to, có lời dưới mỗi tranh.
- Một tờ phiếu khổ to kẻ bảng đã điền nội dung trả lời câu hỏi ở bài tập 2
- trả lời theo nội dung tranh 1 - làm mẫu (xem bảng ở phần lời giải bài tập 2).
- Thêm bảng viết sẵn câu trả lời theo 5 tranh (2, 3, 4, 5, 6)

III. Hướng dẫn dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>A. Kiểm tra bài cũ (5')</u></p> <p>? Thế nào là cốt truyện?</p> <p>? Mỗi sự việc được kể và trình bày như thế nào?</p> <p>* Giáo viên nhận xét, cho điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của truyện. - Mỗi sự việc được kể và trình bày thành một đoạn văn.
<p><u>B. Dạy bài mới (30')</u></p> <p><u>1. Giới thiệu bài (1')</u></p> <p>Để giúp các em viết đoạn văn kể chuyện hay hơn, trong tiết học hôm nay, các em tiếp tục luyện tập xây dựng đoạn văn hoàn chỉnh của một câu chuyện (đã cho cốt truyện).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe.
<p><u>2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập</u></p> <p><u>Bài tập 1 (7')</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu của bài. - GV giới thiệu 6 tranh. Câu chuyện có 6 sự việc gắn với 6 tranh. - Yêu cầu học sinh đọc nội dung bài. - Giúp học sinh hiểu: tiêu phu. - Truyện có mấy nhân vật? - Nội dung truyện nói về điều gì? - Yêu cầu học sinh quan sát lần lượt từng tranh và đọc lời dưới mỗi bức 	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào tranh kể lại cốt truyện Ba lưỡi rìu. - Học sinh quan sát tranh. - Học sinh đọc nội dung bài. - Học sinh nêu: có hai nhân vật: chàng tiêu phu và cụ già. - Học sinh quan sát tranh và đọc lời dưới mỗi tranh. - Học sinh dựa vào tranh, kể lại câu

<p> tranh. - Yêu cầu dựa vào tranh kể lại cốt truyện. - Nhận xét.</p>	<p>chuyện.</p>
<p><u>Bài tập 2(22')</u> a) Xác định yêu cầu đề bài (2') - Yêu cầu học sinh đọc đề bài</p> <p>* Giáo viên nhắc học sinh: Để phát triển ý (ghi dưới mỗi bức tranh <i>Ba lưỡi rìu</i>) thành một đoạn văn kể chuyện, các em cần quan sát kỹ từng tranh, hình dung nhân vật trong tranh đang nói gì, làm gì, ngoại hình của nhân vật thế nào, thái độ của chàng tiều phu khi nhìn thấy chiếc rìu sắt, rìu vàng hay rìu bạc ra sao.</p>	<p>- Yêu cầu học sinh đọc đề bài, cả lớp đọc thầm.</p>
<p>b) Hướng dẫn học sinh làm mẫu theo tranh. (10')</p> <p>* Bức tranh 1: ? Nhân vật đang làm gì? ? Đặc điểm ngoại hình nhân vật ra sao? ? Lưỡi rìu nhân vật dùng có đặc điểm gì? * Bức tranh 2: ? Nhân vật đang làm gì? ? Nhân vật nói gì? ? Đặc điểm ngoại hình cụ già như thế nào? * Bức tranh 3: ? Nhân vật làm gì? ? Nhân vật nói gì? ? Đặc điểm ngoại hình nhân vật thế nào?</p>	<p>- Chàng tiều phu đang đốn củi. Lưỡi rìu bị văng xuống sông. - Dáng người chật phác, thân hình vạm vỡ mình trần, da đen đúa, khuôn mặt hiền lành, đầu quấn khăn. - Bàng sắt đã cũ, bị gãy cán. - Một cụ già hiện ra, chàng trai chấp tay thưa với cụ điều gì đó. - Cụ già hứa với chàng trai sẽ vớt chiếc rìu lên giúp. Chàng trai cảm ơn cụ. - Râu tóc bạc phơ, dáng hiền từ, khuôn mặt phúc hậu. - Cụ già vớt lên một lưỡi rìu vàng. Chàng trai không nhận là của mình. - "Đây chiếc rìu của con đây."/ "Chiếc rìu này không phải của con."</p>

<p>* Bức tranh 4: ? Nhân vật làm gì?</p> <p>? Các nhân vật nói gì?</p> <p>? Đặc điểm ngoại hình của nhân vật thế nào?</p> <p>* Bức tranh 5: ? Nhân vật làm gì?</p> <p>? Nhân vật nói gì?</p> <p>? Đặc điểm ngoại hình của nhân vật có gì đặc biệt?</p> <p>* Bức tranh 6: ? Nhân vật làm gì?</p> <p>? Nhân vật nói gì?</p> <p>? Đặc điểm ngoại hình của nhân vật có gì cần chú ý?</p>	<p>- Mắt chăm chú quan sát chàng trai./ Nét mặt chàng trai bình thản.</p> <p>- Cụ già vót lên chiếc rìu bạc. Chàng trai vẫn không nhận. - "Có lẽ chiếc này là của con."/ "Không phải ạ, của con không phải chiếc này."</p> <p>- Cụ già tiếp tục quan sát thái độ chàng trai./ Nét mặt của chàng trai hơi thất vọng nhưng cũng bình thường.</p> <p>- Cụ già vót lên chiếc rìu sắt./ Chàng trai rất vui mừng. - "Có phải chiếc này của con không?"/ "Vâng, đúng rồi. Rìu này mới là của con."</p> <p>- Cụ già có vẻ chờ đợi./ Chàng trai vui mừng sung sướng.</p> <p>- Cụ già khen chàng trai thật thà và tặng chàng cả ba lưỡi rìu. - "Con quả là người thật thà. Ta tặng con cả ba lưỡi rìu này."/ "Con cảm ơn cụ."</p> <p>- Cụ già tươi cười tặng cho chàng trai cả ba lưỡi rìu.</p>
<p>c) Thi kể chuyện (10')</p>	<p>- Học sinh kể chuyện theo nhóm đôi. - Đại diện các nhóm thi kể từng đoạn, kể toàn truyện (liên kết các đoạn).</p>
<p><u>3. Củng cố, dẫn dò (5')</u> - Yêu cầu học sinh nhắc lại cách phát triển câu chuyện trong bài học:</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, biểu dương những học sinh xây dựng tốt</p>	<p>- 1, 2 học sinh: + Quan sát tranh, đọc gợi ý trong tranh để nắm cốt truyện. + Phát triển ý dưới mỗi tranh thành một đoạn truyện bằng cách cụ thể hóa hành động, lời nói, ngoại hình nhân vật. + Liên kết các đoạn thành câu chuyện hoàn chỉnh.</p>

đoạn văn.	
-----------	--

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Đinh Trọng Lạc, Hoàng Văn Thung, *Giáo trình tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm, 2007
2. Lê A, *Giáo trình tiếng Việt thực hành*, Đại học Huế, 2000
3. Lê A, *Mấy vấn đề cơ bản của việc dạy - học tiếng Việt ở phổ thông*, Nghiên cứu giáo dục 11/90 - tr 9-10-11.
4. Chu Thị Thuỷ An, *Về phương pháp hình thành các khái niệm từ vựng, ngữ pháp cho học sinh tiểu học*, Ngôn ngữ 8/2004 - tr.67-73
5. Diệp Quang Ban, *Văn bản và kiên kết trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2009
6. Nguyễn Nhã Bản, *Về cung cấp vốn từ cho học sinh cấp 1*, Nghiên cứu giáo dục 1992 - tr 20-21
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở tiểu học lớp 4*, NXB Giáo dục, 2009
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Phương pháp dạy học các môn học ở lớp 4 tập 1, 2*, NXB Giáo dục, 2007
9. Nguyễn Thị Thanh Bình, *Một số xu hướng lý thuyết của việc dạy*

- tiếng mẹ đẻ trong nhà trường*, Ngôn ngữ 4/ 2006 - tr.13-24
10. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học*, NXB ĐHSP, 2003
 11. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàn Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB ĐH&GDCN, 1992
 12. Phan Phương Dung, *Hướng dẫn làm bài Tập làm văn 4*, NXB ĐHSP, 2006
 13. Phan Phương Dung - Dương Thị Hương - Lê Phương Nga - Đỗ Xuân Thảo, *Giúp em học tốt Tiếng Việt 4 tập 1, 2*, NXB Hà Nội, 2006
 14. Xuân Thị Nguyệt Hà - Phạm Thị Thanh Hà - Nguyễn Thị Nhung, *Học qua văn mẫu 4*, NXB Hà Nội, 2006
 15. Hồng Hạnh, Lê Hữu Tinh, *Rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh*, Nghiên cứu giáo dục 1994 - tr 20-22.
 16. Vũ Thị Thanh Hương, *Từ khái niệm "năng lực giao tiếp" đến vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay* Ngôn ngữ 4/ 2006 - tr.1-12
 17. Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tinh, *Bồi học sinh giỏi Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2007
 18. Trần Mạnh Hưởng - Nguyễn Trí, *Thực hành Tập làm văn 4*, NXB Giáo dục, 2008
 19. Trần Mạnh Hưởng - Lê Hữu Tinh, *Bài tập Luyện từ và câu Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2008
 20. Trần Mạnh Hưởng - Xuân Thị Nguyệt Hà, *Ôn luyện và củng cố Tiếng Việt 4 tập 1, 2*, NXB Giáo dục, 2009
 21. Nguyễn Xuân Khoa, *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997
 22. Đinh Trọng Lạc (Chủ biên) - Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1997

23. Bùi Thị Liên *Cách phân tích đoạn văn dựa theo tính mạch lạc của văn bản*, Ngôn ngữ 3/2006 - tr 47-51
24. Lê Hồng Mai, *Mở rộng vốn từ qua ô chữ lớp 4*, NXB Giáo dục, 2010
25. Lê Phương Nga (chủ biên) - Hoàng Thu Hà, *Bài tập trắc nghiệm Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2008
26. Lê Phương Nga - Lê Hữu Tĩnh - Nguyễn Trí, *40 đề ôn luyện Tiếng Việt cuối cấp Tiểu học*, NXB Giáo dục, 2009
27. Lê Phương Nga - Nguyễn Trí, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1999
28. Lê Phương Nga (Chủ biên) - Trần Thị Minh Phương - Lê Hữu Tĩnh, *Tiếng Việt nâng cao 4*, NXB Giáo dục, 2009
29. Lê Phương Nga, *Dạy học ngữ pháp ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 1998
30. Lê Phương Nga, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB ĐHSP, 2009
31. Lê Phương Nga, *Dạy học ngữ pháp ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 1998
32. Lê Phương Nga, *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB ĐHSP, 2009
33. Đặng Kim Nga, *Dạy các bài hình thành kiến thức trong phân môn Luyện từ và câu lớp 4*, Số chuyên đề về SGK lớp 4, lớp 9, Tạp chí giáo dục 2005- tr 11-14
34. Trần Đức Niềm - Lê Thị Nguyên - Ngô Lê Hương Giang, *Phương pháp Luyện từ và câu 4*, NXB Hải Phòng, 2009
35. Nguyễn Quang Ninh, *Phương pháp giải thích nghĩa và việc đánh giá học sinh nắm nghĩa của từ*, Nghiên cứu giáo dục 8/2000
36. Nguyễn Quang Ninh, *Lí thuyết hoạt động giao tiếp với việc dạy học phần làm văn trong tiếng việt 4*, Số chuyên đề về SGK lớp 4, lớp 9 Tạp chí giáo dục 2005 - tr 4-6

37. Nguyễn Quang Ninh - Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Vở bài tập Tiếng Việt nâng cao 4 tập 1, tập 2*, NXB Đà Nẵng, 2007
38. Trần Thị Minh Phương - Hoàng Cao Cương - Phạm Thị Kim Oanh, *Bài tập bổ trợ và nâng cao Tiếng Việt Tiểu học 4 quyển 1, 2*, NXB ĐHSP, 2008
39. F.de Saussure, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Hà Nội, 1973
40. Đỗ Xuân Thảo, *Giúp giáo viên phát hiện các chi tiết cần chú ý khi dạy luyện từ và câu ở tiếng việt 4*, Số chuyên đề về SGK lớp 4, lớp 9/ Tạp chí giáo dục 2005 - tr 9-10
41. Phan Thiều - Lê Hữu Tĩnh, *Dạy học từ ngữ ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2000
42. Hoàng Thung - Đỗ Xuân Thảo, *Bồi dưỡng và nâng cao Tiếng Việt tiểu học tập 3, tập 4*, NXB Giáo dục, 2006
43. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2005
44. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) - Nguyễn Thị Hạnh - Đỗ Việt Hùng - Bùi Minh Toán - Nguyễn Trại, *Vở bài tập Tiếng Việt 4 tập 1, 2*, NXB Giáo dục, 2005
45. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Bộ Sách giáo khoa, Sách giáo viên Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục, 2006
46. Lê Hữu Tĩnh, *Hệ thống mở của từ vựng với việc dạy từ ở tiểu học*, Nghiên cứu giáo dục 1994 - tr 27-32
47. Lê Hữu Tĩnh, *Phương pháp rèn luyện kỹ năng từ ngữ cho học sinh*, Thông báo khoa học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội 1 1994
48. Lê Hữu Tĩnh, *Hệ thống bài tập rèn luyện năng lực từ ngữ cho học sinh tiểu học*, Luận án TS Ngữ văn, ĐHSPHN 2000
49. Lê Hữu Tĩnh (chủ biên), Lê Phương Nga, Trần Thị Minh Phương, *Hướng dẫn tự làm bài tập Tiếng Việt 4 tập 1, 2*, NXB Giáo dục,

2007

50. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng, *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, 1996
51. Nguyễn Đức Tồn, *Vấn đề dạy và khả năng nhận diện của học sinh về cấu tạo, nguồn gốc và ý nghĩa của từ trong nhà trường hiện nay*, Ngôn ngữ - số 3/2006 - tr 52-66
52. Nguyễn Trí (Chủ biên) - Phan Phương Dung - Dương Thị Hương - Đào Tiến Phi, *Để dạy học tốt Tiếng Việt 4*, NXB Giáo dục, 2006
53. Nguyễn Trí, Nguyễn Trọng Hoàn, Đinh Thái Hương, *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học văn - tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2004